



**CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
(Tổ chức ngày 30/5/2020, tại Trụ sở Công ty cổ phần Sông Đà 9)

TT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Ghi chú
1.	Đón tiếp cổ đông và phát tài liệu, văn nghệ chào mừng.	8 <sup>h</sup> 00 - 8 <sup>h</sup> 20	Ban tổ chức	
2.	- Báo cáo của Ban tổ chức về tình hình cổ đông tham dự Đại hội. - Khai mạc và giới thiệu đại biểu. - Thông báo biên bản bầu Chủ tọa cuộc họp do Chủ tịch HĐQT vắng mặt. B/c đề cử Ban chủ tọa đại hội ( <i>Xin ý kiến Đại hội biểu quyết</i> ) - Mời Ban Chủ tọa lên làm việc.	8 <sup>h</sup> 20 - 8 <sup>h</sup> 30	Ban tổ chức	
3.	- Ban Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội và đề cử Ban Kiểm phiếu ( <i>Xin ý kiến Đại hội biểu quyết</i> )	8 <sup>h</sup> 30 - 8 <sup>h</sup> 35	Ban Chủ tọa	
4.	Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020.	8 <sup>h</sup> 35 - 8 <sup>h</sup> 40	Ban chủ tọa	
5.	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế Bầu cử	8 <sup>h</sup> 40 - 8 <sup>h</sup> 50	Ban chủ tọa	
6.	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.	8 <sup>h</sup> 50 - 9 <sup>h</sup> 10	Ban chủ tọa	
7.	- Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2019 và kế hoạch, chương trình công tác của HĐQT năm 2020.	9 <sup>h</sup> 10 - 9 <sup>h</sup> 20	Ban chủ tọa	
8.	- Báo cáo của Ban Kiểm soát công ty năm 2019, chương trình hoạt động năm 2020.	9 <sup>h</sup> 20 - 9 <sup>h</sup> 30	Ban kiểm soát	
9.	- Tờ trình của HĐQT về (1) phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2019; (2) quyết toán tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2019, phương án chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020	9 <sup>h</sup> 30 - 9 <sup>h</sup> 40	Ban chủ tọa	
10.	- Tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020	9 <sup>h</sup> 40 - 9 <sup>h</sup> 45	Ban kiểm soát	
11.	- Tờ trình nhân sự trình Đại hội đồng cổ đông	9 <sup>h</sup> 45 - 9 <sup>h</sup> 50	Ban chủ tọa	
12.	- Đại hội đồng cổ đông thảo luận thông qua các báo cáo và giải đáp các ý kiến của cổ đông.	9 <sup>h</sup> 50- 10 <sup>h</sup> 05	Ban chủ tọa và Ban kiểm phiếu	
13.	- Biểu quyết thông qua các báo cáo; - Bầu thành viên Hội đồng quản trị	10 <sup>h</sup> 05 - 10 <sup>h</sup> 10	Ban chủ tọa Đại hội và BKP	
14.	- Giải lao.	10 <sup>h</sup> 10 - 10 <sup>h</sup> 25		
15.	Thông qua biên bản kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT Thành viên Hội đồng quản trị ra mắt ĐH	10 <sup>h</sup> 25 - 10 <sup>h</sup> 40	Ban kiểm phiếu	
16.	- Thông qua biên bản Đại hội. - Thông qua Nghị quyết Đại hội	10 <sup>h</sup> 40-10 <sup>h</sup> 55	Ban thư ký	
17.	- Bế mạc	10 <sup>h</sup> 55 - 11 <sup>h</sup> 00	Ban chủ tọa	

*Trên đây là thời gian dự kiến của Ban tổ chức. Đại hội sẽ tiến hành phù hợp với các nội dung đề ra dưới sự điều hành của Ban chủ tọa Đại hội.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2020

( Dự thảo) QUY CHẾ  
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 1/7/2015 và các văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp.
  - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 26/4/2018;
- Đại hội đồng cổ đông công ty năm 2020 được thực hiện theo quy chế sau đây:

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng:**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (Đại hội) của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty).
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Điều 2. Mục tiêu**

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thành công và tuân thủ các quy định của Pháp luật.

**Chương II**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội**

1. Điều kiện tham dự họp Đại hội: Cổ đông sở hữu cổ phần của SD9 theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 07/4/2020 hoặc những người được ủy quyền tham gia họp lệ .
2. Quyền của cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại

hội:

a. Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản theo mẫu Công ty quy định.

b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo.

d. Mỗi cổ đông hoặc người được uỷ quyền của cổ đông dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận **Phiếu biểu quyết** sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

e. Cổ đông, người được uỷ quyền của cổ đông dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện uỷ quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

a. Cổ đông hay người được uỷ quyền của cổ đông dự họp khi tham dự Đại hội phải xuất trình các giấy tờ theo quy định tại **Thông báo mời họp** và đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.

b. Ăn mặc lịch sự, ứng xử văn minh lịch sự, không gây mất trật tự.

c. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo Điều 12 của quy chế này, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội.

d. Biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

e. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường trong Đại hội.

g. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội.

h. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội**

1. Ban tổ chức Đại hội gồm một (01) Trưởng Ban và một số thành viên do Hội đồng quản trị công ty quyết định thành lập để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình giấy tờ chứng minh tư cách như Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp **Phiếu biểu quyết** và các tài liệu họp liên quan khác;

c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại thời điểm: Trước khi khai mạc Đại hội;

d. Thực hiện các công việc khác do Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Ban tổ chức Đại hội có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một số thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua;

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng **Phiếu biểu quyết**, thể thức biểu quyết, và tiến hành kiểm phiếu.

3. Lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;

4. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;

5. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký Đại hội**

1. Chủ tọa là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tọa có thể chỉ định một số người là thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc lên bàn Chủ tọa để phối hợp điều khiển cuộc họp.

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (*phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty*) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc

họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

6. Chủ tọa có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.

8. Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội lập biên bản Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

### **Chương III**

## **THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

### **Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội**

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội ngày 07/4/2020.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 8. Tiến hành Đại hội**

1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết như quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

3. Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết, Biên bản Đại hội được thông qua.

### **Điều 9. Thông qua quyết định của Đại hội**

1. Các quyết định của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp tại Đại hội.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để **tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến** đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

### **Điều 10. Phiếu biểu quyết**

1. **Phiếu biểu quyết** phải đóng dấu treo của Công ty do Ban tổ chức Đại hội phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp.

2. Giá trị biểu quyết của **Phiếu biểu quyết** tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội.

### **Điều 11. Thể thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội**

1. Việc biểu quyết các nội dung không ghi trong phiếu biểu quyết được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp bằng giơ tay tại Đại hội.

2. Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc đưa ra duy nhất một phương án như tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng nội dung cần lấy ý kiến và được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký xác nhận và cho vào hòm phiếu.

3. Tính hợp lệ của **Phiếu biểu quyết**:

a. **Phiếu biểu quyết hợp lệ**:

- Là **Phiếu biểu quyết** do Ban tổ chức Đại hội phát ra, có dấu treo của Công ty;

- **Phiếu biểu quyết** không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa.

b. **Phiếu biểu quyết không hợp lệ**:

- **Phiếu biểu quyết** không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;

- **Phiếu biểu quyết** không có dấu treo của Công ty;

- **Phiếu biểu quyết** bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa;

- **Phiếu biểu quyết** không đánh dấu phương án nào;

- **Phiếu biểu quyết** đánh dấu từ 2 phương án trở lên;

4. Cách tính kết quả nội dung biểu quyết: Số cổ phần biểu quyết **chia cho** số cổ phần tham dự đại hội (*chia cho số phiếu phát ra tương ứng với số cổ phần*)

### **Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội**

Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự Đại hội và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào Phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận. Đại hội thống nhất tổng thời gian phát biểu của một cổ đông không quá 05 phút, nếu quá thời lượng này, Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông lập câu hỏi, kiến

nghị bằng văn bản gửi tới Ban Thư ký và Ban chủ tọa sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

### **Điều 13. Biên bản Đại hội**

1. Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

### **Điều 14. Nghị quyết Đại hội**

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua và công bố trên website của Công ty trong vòng 24h kể từ khi Đại hội bế mạc.

### **Điều 15. Hiệu lực thi hành của Quy chế**

1. Quy chế này gồm 3 Chương, 15 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;

2. Đại hội quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

*Trên đây là dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9; Kính trình Đại hội thông qua. Sau khi Đại hội thông qua thì các nội dung và diễn biến tại Đại hội sẽ được thực hiện theo quy chế này. Trân trọng./.*

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2020

**( Dự thảo) QUY CHẾ BẦU  
BỔ SUNG, THAY THẾ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Bộ tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng trong công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 26/4/2018;
- Tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2020, Đại hội sẽ bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2016-2021
- Việc bầu cử được tiến hành cụ thể như sau:

**Chương 1**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử**

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần và đại diện theo ủy quyền tại thời điểm chốt danh sách ngày 07/4/2020 tham dự Đại hội đều có quyền tham gia bầu cử.

**Điều 2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị:**

Căn cứ tại Khoản 1, Điều 151 Luật doanh nghiệp, thành viên HĐQT phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty

**Điều 3. Điều kiện để ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:**

1. Tham chiếu Khoản 2, Điều 25 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông( các cổ đông nhóm cổ phiếu lại với nhau) nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (05%) số cổ phần có quyền biểu quyết





trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng ( 06 tháng) được ứng cử, đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị Công ty.

2. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không đề cử, ứng cử ứng viên là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 sẽ đề cử ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị Công ty.

#### **Điều 4. Nguyên tắc bầu cử:**

- Bỏ phiếu kín.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử.

#### **Điều 5. Phương thức bầu cử**

##### **1. Phương thức bầu cử :**

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên hoặc không dồn hết tổng số phiếu bầu.

- Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (***bằng số cổ phần nhân ( x ) với số thành viên được bầu***);

2. Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

3. Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra và có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

##### **4. Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.
- Gạch tên ứng cử viên.
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa.
- Viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
- Tổng số cổ phần bầu cho thành viên được bầu lớn hơn số cổ phần biểu quyết của cổ đông sở hữu.

- Phiếu bầu có số thành viên được bầu vượt quá số lượng thành viên phải bầu.

- Phiếu bầu không đóng dấu treo của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

5. Việc kiểm phiếu: Tiến hành ở một phòng riêng dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.

6. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa Đại hội giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

**Điều 6. Nguyên tắc trúng cử:**

- Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu bổ sung thay thế thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2016-2021 được công bố ngay tại Đại hội;

- Người trúng cử vào Hội đồng quản trị phải đạt tối thiểu 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hợp lệ tham dự tại Đại hội.

**Điều 7.** Quy chế bầu cử này gồm 7 điều, có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được thông qua tại Đại hội.

*Trên đây là dự thảo Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9; Kính trình Đại hội thông qua. Sau khi Đại hội thông qua thì việc bầu cử tại Đại hội được thực hiện theo quy chế này.  
Trân trọng./.*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 41

\*\*\*\*\*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Sông Đà 9 - trực thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 2195/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0103010465, đăng ký thay đổi lần thứ 09 là ngày 08 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 37683746

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng;
- Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy, các loại máy xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng, dầu, mỡ, bắt động sản và văn phòng cho thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Gia Hàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Thế Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Đình Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Công Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thế Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Hải Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2018
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thế Quang - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

  
  
**Trần Thế Quang**  
Ngày 18 tháng 3 năm 2020

55  
G  
PH  
G  
LI

12/03/2020

**A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**  
www.a-c.com.vn



Head Office	02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	ktlv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7859	ktvc.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	Là 578/06A/01, Lê Hồng Phong li Uông Án, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	ktvn.nha@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Kàng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	ktvc.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0170/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1*

**Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm toán viên**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3707-2016-008-1*

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.089.554.355.415</b>	<b>1.075.253.005.987</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17.062.668.006</b>	<b>126.328.819.348</b>
1. Tiền	111		17.062.668.006	126.328.819.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>744.923.140.822</b>	<b>710.675.386.605</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	564.159.673.933	554.449.188.647
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	143.089.403.306	131.165.636.774
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.189.141.728	2.189.141.728
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	63.625.178.722	50.931.103.973
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(28.140.256.867)	(28.059.684.517)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>293.859.541.559</b>	<b>215.766.268.510</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	293.859.541.559	215.766.268.510
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.709.005.028</b>	<b>22.482.531.524</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.241.189.113	622.189.155
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.622.874.754	21.820.569.590
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	844.941.161	39.772.779
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>973.348.033.796</b>	<b>749.794.972.525</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>66.744.893.861</b>	<b>68.227.075.017</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	66.744.893.861	68.227.075.017
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>224.835.874.442</b>	<b>240.575.725.928</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	220.223.374.442	235.963.225.928
<i>Nguyên giá</i>	222		933.950.349.847	937.330.537.124
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(713.726.975.405)	(701.367.311.196)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.612.500.000	4.612.500.000
<i>Nguyên giá</i>	228		4.692.500.000	4.692.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(80.000.000)	(80.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>582.034.236.945</b>	<b>342.707.695.657</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		582.034.236.945	342.707.695.657
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>92.828.674.936</b>	<b>91.558.128.594</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		85.347.816.852	85.347.816.852
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.412.940.000	31.412.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23.932.081.916)	(25.202.628.258)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.904.353.612</b>	<b>6.726.347.329</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	5.190.079.636	5.169.965.497
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.714.273.976	1.556.381.832
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.062.902.389.211</b>	<b>1.825.047.978.512</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.464.191.393.105</b>	<b>1.196.764.667.938</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.078.988.894.107</b>	<b>967.861.283.269</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	224.015.488.016	138.669.449.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	239.438.190.465	260.511.530.312
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.463.453.779	3.775.001.067
4. Phải trả người lao động	314		36.206.696.280	22.077.947.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	35.066.690.308	11.319.348.021
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	83.555.946.936	38.783.586.407
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	452.922.267.667	488.499.548.610
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	5.320.160.656	4.224.872.109
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>385.202.498.998</b>	<b>228.903.384.669</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	602.691.813	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	319.977.925
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	384.599.807.185	222.712.761.689
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	-	5.870.645.055
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>598.710.996.106</b>	<b>628.283.310.574</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>598.710.996.106</b>	<b>628.283.310.574</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	216.878.452.894
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.004.608.522	47.664.148.101
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.911.434.443	47.664.148.101
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.093.174.079	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.062.902.389.211</b>	<b>1.825.047.978.512</b>

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phùng Thị Minh Nghĩa

Quách Mạnh Hải

Trần Thế Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

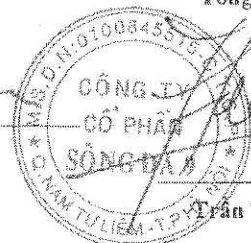
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	464.722.908.662	379.546.624.086
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		464.722.908.662	379.546.624.086
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	400.279.823.239	303.973.445.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.443.085.423	75.573.178.514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	23.180.487.479	20.003.243.497
7. Chi phí tài chính	22	VL4	41.433.551.674	41.721.493.201
Trong đó: chi phí lãi vay	23		42.212.149.816	43.357.420.064
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL5	43.365.384.755	44.042.710.415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.824.636.473	9.812.218.395
11. Thu nhập khác	31	VL6	6.737.447.828	18.913.133.754
12. Chi phí khác	32	VL7	2.626.802.366	3.366.243.787
13. Lợi nhuận khác	40		4.110.645.462	15.546.889.967
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.935.281.935	25.359.108.362
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	1.785.233.340
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(157.892.144)	(174.010.450)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.093.174.079</u>	<u>23.747.885.472</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL8	-	-

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Thị Minh Nghĩa

Quách Mạnh Hải

Trần Thế Quang

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2019**  
**KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019**

**I. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019:**

**1. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

- Tổng giá trị SXKD đạt 677 tỷ/800 tỷ đạt 85% KH năm, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2018 (584,18 tỷ đồng).
- Doanh thu đạt 560 tỷ/800 tỷ đạt 75% KH năm, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2018 (498,49 tỷ đồng).
- Lợi nhuận đạt 6,9 tỷ/40 tỷ đạt 17% KH năm, giảm 72% so với cùng kỳ năm 2018 (25,0 tỷ đồng).
- Tỷ lệ cổ tức ( dự kiến ): 4%

**2. Thực hiện đầu tư:**

- Thực hiện đầu tư đạt: 281,4 tỷ/357,4 tỷ đạt 79% KH năm.

Trong đó:

+ Đầu tư mở rộng SXKD đạt 255,09 tỷ/278,9 tỷ đạt 91% KH năm.

+ Đầu tư bổ sung và nâng cao năng lực thiết bị thi công đạt 26,3 tỷ/78,5 tỷ đạt 33% KH năm.

**II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019:**

**1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:**

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2019		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	800	677	85
-	Giá trị xây lắp	“	695	595	86
-	Giá trị SX CN	“	95	45	47
-	Giá trị kinh doanh khác	“	10	37	368
2	Doanh thu	“	750	560	75
3	Tiền về tài khoản	“	832,2	585	70

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2019		
			Kế hoạch	Thực hiện	%HT
4	Nộp Ngân sách	“	34	29	86
5	Lợi nhuận trước thuế	“	40	6,94	17
6	Lợi nhuận sau thuế	“	35	6,94	20
7	Vốn chủ sở hữu	“	626,8	598,5	96
8	Vốn điều lệ	“	342,34	342,34	100
9	Tổng tài sản	“	2.150	2.063	96
10	Tỷ lệ cổ tức	%	10	4	40
<b>11</b>	<b>Lao động tiền lương</b>				
-	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	1.419	821	58
-	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 <sup>3</sup> đ	10.313	9.497	92
<b>12</b>	<b>Kế hoạch đầu tư</b>	10 <sup>6</sup> đ	<b>357,4</b>	<b>281,4</b>	<b>79</b>
-	Đầu tư mở rộng SXKD	“	278,3	255,1	91
-	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	“	78,5	26,3	33

### 1.1 Kiểm điểm thực hiện các hợp đồng thi công xây lắp năm 2019:

#### \* Thủy điện Nậm Thuen 1:

- Sản lượng thực hiện năm 2019 đạt 82%KH năm (150,2 tỷ/192,88 tỷ), trong đó:
  - + Đồ bê tông RCC đập chính đạt 839.690m<sup>3</sup>/1.643.531m<sup>3</sup> đạt 53% KH.
  - + Đồ bê tông san phẳng 9.028m<sup>3</sup>/9.200m<sup>3</sup> đạt 98% KH.
  - + Đào đất đá đạt 168.383m<sup>3</sup>/169.500m<sup>3</sup> đạt 99% KH.

#### *Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:*

- + Công tác bàn giao mặt bằng để thi công RCC chậm do phát sinh đào xử lý hố móng. Công tác bàn giao mặt bằng không đồng bộ, bàn giao nhỏ lẻ từng phần.
- + Trong quá trình đổ RCC phải thi công xen kẽ, chờ công tác khoan phun.
- + Công tác cung cấp bê tông RCC bằng băng tải không đảm bảo, thường xuyên bị hỏng không đáp ứng yêu cầu, cường độ trung bình đạt 150m<sup>3</sup>/h, cường độ tính toán trong Hợp đồng là 700m<sup>3</sup>/h.
- + Trạm RCC chưa hoạt động ổn định, cường độ cung cấp bằng ô tô đạt thấp.
- + Công tác thi công cơ giới phụ thuộc vào công tác khoan nổ và gia cố mái (do SĐ10 thực hiện) khó đẩy nhanh tiến độ thi công.
- + Công tác thanh toán của CĐT chậm, ảnh hưởng đến công tác mua sắm vật tư, trả lương cho người lao động.
- + Công trường dừng thi công từ ngày 21/12/2019 theo thông báo số:1325/2019 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Chủ Đầu tư về việc chấm dứt hợp đồng với liên danh CMC/ITD/SONGDA và thông báo của Tư vấn Pyry ngày 21/11/2019 về việc dừng thi công công trình thủy điện Nam Theun1.

\* **Thủy điện Tân Thương:**

- Sản lượng thực hiện năm đạt 62%KH năm (40,23 tỷ/64,8 tỷ), trong đó:
  - + Đổ bê tông CVC đạt 11.008m<sup>3</sup>/27.130m<sup>3</sup> đạt 43%KH.
  - + Đào đất đá đạt 6.100m<sup>3</sup>/32.339m<sup>3</sup> đạt 18%KH.
  - + Từ tháng 5/2019 tạm dừng thi công.

**Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- + Nhân lực thi công không đáp ứng đủ so với yêu cầu
- + Công tác sản xuất vật liệu (nghiền cốt liệu, sx bê tông) chưa đáp ứng được tiến độ, trạm trộn thường xuyên bị hỏng.
- + Công tác thi công cơ giới không đạt được kế hoạch đề ra, do công tác khoan nổ mìn không thực hiện được, giấy phép nổ mìn đã hết hạn.
- + Công tác thanh toán của CĐT quá chậm, Chủ đầu tư không giải ngân các công nợ đến và quá hạn, nên Công ty buộc phải tạm dừng thi công để tiếp tục yêu cầu nghiệm thu xác nhận khối lượng giá trị đã thực hiện và đề nghị thanh toán.

\* **Công trình thủy điện Pake:**

Tổng khối lượng thi công bê tông năm 2019: 10.665m<sup>3</sup>/KH: 11.657m<sup>3</sup>, đạt 91% lũy kế TH bê tông: 104.972m<sup>3</sup>; đào đất đá: 64.575m<sup>3</sup>.

\* **Bãi thải xỉ nhà máy nhiệt điện Long Phú:**

- Sản lượng thực hiện năm 2019 đạt 11%KH năm (3,3 tỷ/29 tỷ).
- Tổng sản lượng thực hiện công trình: 7,97 tỷ/119,691 tỷ đạt 6,7% giá trị HĐ.

\* **Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:**

+ Sản lượng thực hiện năm đạt 68,81 tỷ/179,68 đạt 38%KH; Trong đó: Khối lượng thực hiện đóng cọc đạt 45.238md/94.900md đạt 48%KH; bê tông CVC đạt 1.104,22m<sup>3</sup>/9.500m<sup>3</sup> đạt 12% KH; đào đắp đất, nạo vét bùn đạt 8.000m<sup>3</sup>/236.280m<sup>3</sup> đạt 3%KH. Nguyên nhân do năng lực nhà thầu phụ yếu, không đảm bảo đủ vốn phục vụ sản xuất; mặt bằng thi công hạn chế do xung đột, chông lán với các công trình hiện hữu chưa được xử lý dứt điểm, chưa hoàn thành công tác di dời tiện ích.

\* **Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ:**

- Sản lượng thực hiện năm đạt 194%KH năm (153,6 tỷ/79,38 tỷ), trong đó:
  - + Đào đất đá đạt 248.212m<sup>3</sup>/117.700m<sup>3</sup> đạt 211%; bê tông CVC đạt 16.940m<sup>3</sup>/25.247m<sup>3</sup> đạt 67%; bê tông RCC đạt 83.120m<sup>3</sup>/103.000m<sup>3</sup> đạt 81%.

**Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

- + Mặt bằng mỏ đá MĐ2 bàn giao chậm theo kế hoạch dẫn tới công tác bóc phủ, cung cấp đá trạm nghiền chậm.
- + Công tác thi công RCC đập 3 chậm so với KH 2 tháng do thiếu thiết bị, cấp pha, nhân lực thi công chưa đảm bảo so với kế hoạch.
- + Công tác thi công CVC đập phụ 4 chậm so với KH 2,5 tháng do thiết kế hiệu chỉnh hố móng, công tác triển khai của nhà thầu phụ chậm không đạt yêu cầu.

\* **Công trình Xenamnoy:**

- + Sản lượng thực hiện năm đạt 142% (71,06 tỷ/50,95 tỷ)



+ Đổ bê tông RCC đạt  $127.417\text{m}^3/164.600\text{m}^3$  đạt 77%KH.

**Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

+ Công tác thi công RCC triển khai chậm so với kế hoạch 02 tháng do thi công bổ sung bãi đắp thí nghiệm, phát sinh công tác lắp đặt băng tải (SK thực hiện), công tác chuẩn bị thi công (huy động nhân lực, XMTB) chưa đạt yêu cầu. Thiếu nhân lực thi công bê tông CVC công lấy nước;

\* **Hồ chứa nước Bản Lái:**

+ Sản lượng thực hiện năm đạt 104% (32,18 tỷ/30,8 tỷ)

+ Thi công bê tông RCC đạt  $118.672\text{m}^3/118.100\text{m}^3$ .

**Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:**

+ Công tác thi công chậm so với KH 1 tháng, giai đoạn đầu dự án triển khai chậm do thiếu cốt liệu.

+ Công tác thi công chậm do thiết bị thường xuyên bị hỏng, nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu cấp pha thi công giai đoạn từ cao độ 301-:-314m.

## 1.2 Kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2019.

\* **Những mặt đã làm được:**

- Tổ chức triển khai công tác đầu tư và quản lý dự án đầu tư dự án thủy điện Pake theo đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện sắp xếp đội ngũ gián tiếp tại các phòng ban, chi nhánh để giảm bớt đầu mối và đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức mới, yêu cầu SXKD hiện nay của Công ty.
- Thành lập các Tổ nghiệp vụ (Tổ phân tích kết quả SXKD; Tổ xây dựng, sửa đổi quy chế lương gián tiếp, trực tiếp) đảm bảo tính tuân thủ quy chế của Công ty và đồng bộ trong tổ chức các công trình.
- Thực hiện công tác tái cấu trúc tổ chức: sáp nhập Chi nhánh Sông Đà 9.10 vào Chi nhánh Sông Đà 901; Sắp xếp các ban nghiệp vụ, tổ đội sau sáp nhập phù hợp với tình hình sản xuất của đơn vị;
- Hoàn thành xong thủ tục bổ nhiệm 22 cán bộ; Tuyển dụng 190 người (38 Kỹ sư, Cử nhân; 07 Cao đẳng, Trung cấp; 24 Lái xe, 25 Thợ vận hành MXD; 33 Thợ cơ khí; 16 Công nhân kỹ thuật khác, 47 LĐPT; không tính lao động thuê ngoài); Nghỉ việc 235 người ( trong đó thôi việc 142 người, bỏ việc 89 người, sa thải 01, nghỉ chế độ hưu 01 người)
- Đã và đang giải quyết chế độ ốm đau, thai sản cho 35 lượt người.
- Áp dụng triển khai phần mềm KPI cho Khối gián tiếp CQCT.
- Quyết toán tài chính năm 2018 xong.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2019.
- Xây dựng và trình HĐQT phê duyệt, ban hành xong quy chế trả lương khoán đối với CBCNV khối gián tiếp và phục vụ tại cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc; Mức tiền lương dùng để tính đóng, hưởng BHXH, BHYT và BHTN áp dụng thống nhất trong toàn Công ty; Quy chế chi trả phụ cấp thâm niên cho NLĐ; Quy chế khoán đội; Quy chế sửa chữa lớn và Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số

trong việc gửi, nhận và sử dụng văn bản điện tử tại Công ty CP Sông Đà 9; hướng dẫn phương án trả lương đối với lao động trực tiếp các đơn vị.

- Phối hợp, liên kết đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho 02 cán bộ lĩnh vực TCNS; 12 trường ca cho nhà máy thủy điện Pake.

\* **Các tồn tại và vướng mắc chính trong năm 2019.**

- Công tác quyết toán tại một số công trình đã thi công xong như Đồng Nai 5, Xekaman1, XKM 3, Nhà Quốc hội, Huội Quảng chậm so với yêu cầu - Nguyên nhân do thiếu cán bộ để làm công tác hồ sơ; các CĐT chưa phê duyệt và thống nhất tổng dự toán .
- Công tác thu vốn ở nhiều công trình chưa hoàn thành theo kế hoạch: Tân Thượng, Đắc Mi 2 – Nguyên nhân do vướng mắc từ Chủ đầu tư thiếu vốn.
- Tiến độ thi công hầu hết tại các công trình đều chậm, công tác chuẩn bị cho sản xuất chưa đạt yêu cầu đề ra, nhân lực, thiết bị và tài chính đáp ứng cho công trường chưa đảm bảo – dẫn đến tình trạng luôn luôn không đạt kế hoạch và tiến độ; cán bộ làm công tác hồ sơ nghiệp vụ phục vụ cho công tác nghiệm thu thanh toán thiếu và yếu ko đảm bảo để nghiệm thu, thanh toán để có vốn phục vụ cho sản xuất.
- Công nợ phải thu rất lớn – HĐQT; Ban TGD đã phân công cho từng cá nhân phụ trách nhưng việc triển khai chưa đạt yêu cầu đề ra do các cá nhân được phân công chưa quyết liệt đề ra các biện pháp giải quyết;
- Việc giải quyết các thủ tục đầu tư với các sở ban ngành, địa phương chưa tốt dẫn đến vướng các thủ tục đầu tư đi kèm
- Việc thực hiện các chỉ thị nghị quyết của HĐQT; BKS công ty chưa được thực hiện nghiêm túc; các báo cáo theo yêu cầu chưa thực hiện được.
- Việc thoái vốn các khoản đầu tư tài chính chưa thực hiện được trong năm do thị trường chứng khoán trong nước giảm sút.

**1.3 Giá trị dở dang đến 31/12/2019.**

Giá trị dở dang, công nợ tại các công trình đến 31/12/2019.

- Tổng giá trị dở dang: 366,74 tỷ đồng.
- Tổng công nợ dở dang: 645,79 tỷ đồng.
- Công nợ phải thu: 859,5 tỷ  
Trong đó: + Phải thu ngắn hạn: 792,8 tỷ.  
              + Phải thu dài hạn: 66,7 tỷ.
- Công nợ phải trả: 792,96 tỷ  
Trong đó: + Phải trả ngắn hạn: 792,6 tỷ.  
              + Phải trả dài hạn: 0,32 tỷ.

**2. Đánh giá kết quả thực hiện các mặt quản lý, điều hành năm 2019**

**2.1 Công tác tái cấu trúc.**

- Chưa hoàn thành công tác tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính, do thị trường trầm lắng, không có nhà đầu tư tham gia, giá cổ phiếu thấp hơn mệnh giá và giao

dịch với số lượng không đáng kể, nên không thể thoái vốn được.

- Trong năm 2019 công ty đã thu được tiền cổ tức từ công ty con là 21,420 tỷ đồng và lũy kế từ khi đầu tư là 117,553 tỷ đồng, còn các khoản đầu tư khác còn lại không thu được cổ tức.
- Công ty đã đầu tư 23 khoản mục với giá trị từ khi đầu tư là 251,477 tỷ đồng, đã thoái 18/23 khoản mục, giá trị đã thoái là 141,716 tỷ đồng, số tiền đã thu hồi được là 261,123 tỷ đồng, cổ tức thu được là 167,069 tỷ đồng. Các khoản mục chưa thoái là 1 công ty con là công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu giá trị đầu tư 85,347 tỷ đồng và 4 khoản đầu tư khác giá trị là 31,412 tỷ đồng. Tổng các khoản đầu tư của công ty hiệu quả, tính riêng các khoản đầu tư khác của công ty thì không hiệu quả.
- Công đã xây dựng thoái 4 khoản là: Công ty cổ phần Sông Đà 1 (SD1); Công ty CP XD Hạ tầng Sông Đà (SDH), Công ty CP Sông Đà Hà Nội (ASD); Công ty CP đầu tư và phát triển Vân Phong nhưng do thị trường trầm lắng, không có nhà đầu tư tham gia, giá cổ phiếu thấp hơn mệnh giá và giao dịch với số lượng không đáng kể, nên không thể thoái vốn được.
- Công tác thoái vốn ở Công ty cổ phần Sông Đà – Tây Đô không thực hiện được: do chưa hoàn thành làm sổ đỏ các lô đất là tài sản thu giữ, Đấu giá không thành công do nhà đầu tư tham gia bỏ giá thấp hơn giá sàn định giá khi đấu giá.
- Các khoản đầu tư dài hạn chưa hoàn thành thủ tục nên trình Chủ sở hữu chưa được chấp thuận và phải làm đi làm lại nhiều lần vẫn chưa được thông qua.

## 2.2 Công tác quản lý xe máy thiết bị, vật tư.

- Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019. Số lượng xe máy thiết bị chủ yếu của Công ty quản lý theo số liệu thống kê có tất cả 433 đầu XMTB.

TT	Loại máy	Ô tô tải ben, chum	Ô tô phục vụ	Máy xúc	Máy ủi	Máy đầm	Máy san	Cần trục	Máy khoan	Máy cày	TB, TS khác	Tổng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>140.0</b>	<b>39.0</b>	<b>44.0</b>	<b>32.0</b>	<b>28.0</b>	<b>6.0</b>	<b>7.0</b>	<b>4.0</b>	<b>5.0</b>	<b>128.0</b>	<b>433.0</b>
1	A (>70%)	10.0	2.0	.0	.0	.0	.0	1.0	2.0	2.0	7.0	24.0
2	B (50-;-70%)	.0	8.0	1.0	1.0	6.0	.0	.0	.0	.0	12.0	28.0
3	C (<50%)	93.0	28.0	36.0	28.0	13.0	6.0	5.0	2.0	3.0	75.0	289.0
4	D (<=15%)	37.0	1.0	7.0	3.0	9.0	.0	1.0	.0	.0	34.0	92.0

- Giá trị nguyên giá của XMTB là 604.421.465.968 đồng.
- Giá trị khấu hao còn lại của XMTB là 41.846.475.676 đồng.
- **Chất lượng thiết bị còn lại:**
  - + Số thiết bị loại A là: 24 thiết bị.
  - + Số thiết bị loại B là: 28 thiết bị.

- + Số thiết bị loại C là: 289 thiết bị.
- + Số thiết bị loại D là: 92 thiết bị.
- + Số thiết bị không có nhu cầu sử dụng là: 92 thiết bị.
- + Số thiết bị cần thanh lý là: 87 thiết bị (Giá trị nguyên giá: 96.228.977.992 đồng, giá trị khấu hao còn lại là: 0 đồng).
- **Công tác đầu tư thiết bị:** Tổng số thiết bị đầu tư là 17 thiết bị với giá trị đầu tư là: **27.231.297.623 đồng.**
  - + Công tác đầu tư trong năm 2019 phù hợp với kế hoạch, mục tiêu ngành nghề của Công ty.
  - + Kế hoạch đầu tư năm 2020: Chưa có nhu cầu.
- **Công tác quản lý vật tư phụ tùng, nguyên vật liệu.**
- + Tổng giá trị vật tư, nguyên vật liệu tồn kho toàn Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là **21.636.318.272 đồng.** Trong đó có **937.758.321 đồng** trong diện cần thanh lý:
  - + Giá trị tồn nguyên, vật liệu là: **10.286.662.275 đồng.**
  - + Giá trị tồn vật tư, phụ tùng chính là **9.658.758.981 đồng.**
  - + Giá trị tồn vật tư, công cụ, bảo hộ là **1.690.897.016 đồng.**

### **2.3 Công tác tổ chức nhân sự.**

#### **\* Cơ cấu tổ chức**

- Cơ cấu tổ chức của Công ty CP Sông Đà 9 gồm có 07 phòng nghiệp vụ, 01 Ban điều hành nội bộ, 01 Ban quản lý dự án, 03 chi nhánh và 01 công ty cổ phần (*Chi tiết sơ đồ tổ chức hiện nay của Sông Đà 9 tại Phụ lục 1 kèm theo*). Điểm mạnh của mô hình này là có sự phân công rõ nét về chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng, ban và đảm bảo cho sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Lãnh đạo Công ty.
- Tuy nhiên, với tình hình hiện nay khi các đầu mối công việc giảm, phạm vi kinh doanh bị thu hẹp thì mô hình này trở nên chồng chéo, không phù hợp. Do vậy, trong năm 2020 Sông Đà 9 sẽ thực hiện mạnh mẽ công tác tái cơ cấu tổ chức, tinh giảm bộ máy, sắp xếp lại ngành nghề kinh doanh chính để đảm bảo phù hợp với sự phát triển theo chiến lược kinh doanh của Công ty.

#### **\* Chất lượng lao động hiện nay**

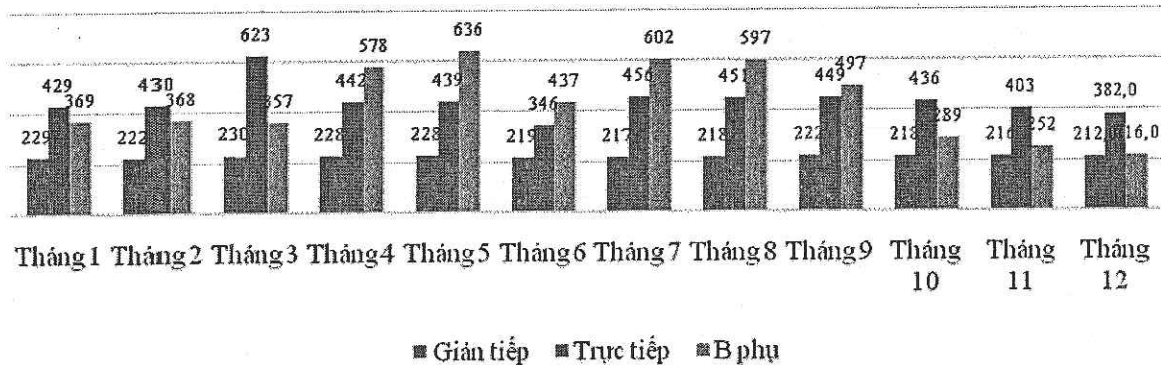
##### **Số liệu thống kê:**

- Lao động bình quân (LĐBQ) toàn Sông Đà 9 năm 2019 là **1.096** người cả B phụ, riêng SD9 là **663** người, trong đó gián tiếp, phục vụ chiếm **33%** và trực tiếp là **67%**; Cán bộ khoa học, nghiệp vụ **170** người, Công nhân kỹ thuật **308** người, Lao động thời vụ **116** người và lao động thuê ngoài **216** người.

ĐVT: người

TT	Nội dung	Tổng số CBCNV	Trong đó			Tỷ lệ (không tính B phụ)		Tỷ lệ (Cả B phụ)	
			Gián tiếp	Trực tiếp	B phụ	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp
	<b>LĐBQ năm 2019</b> (bao gồm cả B phụ)	1.096	222	441	433	33%	67%	20%	80%

**Biểu đồ nhân lực huy động năm 2019**



- Đến ngày 07/02/2020, tổng số nhân lực toàn Công ty CP Sông Đà 9 là 664 người, trong đó gián tiếp, phục vụ 203 người (chiếm 31%), trực tiếp 388 người (chiếm 58%), B phụ 73 người (chiếm 11%); Số lao động đang chờ việc là 148 người (23 người gián tiếp; 125 người trực tiếp).

TT	Đơn vị	Tỷ lệ		
		Gián tiếp, phục vụ	Trực tiếp	B phụ
1.	Cơ quan Công ty	100%	0%	
2.	Chi nhánh SĐ 901	26%	64%	10%
3.	Chi nhánh SĐ 905	15%	85%	
4.	Chi nhánh SĐ 908	18%	66%	16%
	<b>Tổng trung bình</b>	<b>31%</b>	<b>58%</b>	<b>11%</b>

- Công tác tuyển dụng:
    - + Tổng số CBCNV tuyển dụng năm 2019 : 190 người
    - + Tổng số CBCNV nghỉ thôi việc năm 2019 : 235 người
    - + Nhu cầu tuyển dụng năm 2020 : 100 người
- (6 tháng đầu năm 2020, Sông Đà 9 dự kiến không thiếu nhân lực, số nhu cầu này là số lượng tuyển dự phòng để đào tạo thay thế theo từng giai đoạn)
- Công tác đào tạo:
    - + Tổng số CBCNV đào tạo năm 2019 : 545,4 triệu đồng/100 lượt người
    - + Kế hoạch đào tạo năm 2020 : 600 triệu đồng/120 lượt người

**Đánh giá chung về nguồn nhân lực, những nhận định và cảnh báo:**

- Với bối cảnh hiện nay, Sông Đà 9 có 03 công trình thi công (dự kiến Tân Mỹ kết thúc 31/5-10/6, Bản Lái kết thúc 31/5, Pake kết thúc trước 30/4), như vậy tổng thời

gian thi công nhiều nhất trong năm nay là 6 tháng. Sau 30/6/2020, Công ty Sông Đà 9 hiện chưa có công trình gói đầu để thi công tiếp theo.

- Lực lượng gián tiếp, phục vụ hiện nay chiếm 31%. Theo chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Sông Đà 9 giai đoạn 2015-2020, tỷ lệ vàng cho gián tiếp, phục vụ là 20%, trực tiếp + B phụ là 80%. Như vậy, với tỷ lệ gián tiếp, phục vụ hiện nay xét trên đầu mỗi công việc của từng công trình là con số rất cao.

Với tỷ lệ gián tiếp và phục vụ lớn như trên sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chi phí và kết quả SXKD của Công ty trong giai đoạn từ năm 2020-2025; trong năm 2020 Công ty sẽ tiến hành triệt để công tác sắp xếp lại bộ máy đảm bảo gọn nhẹ, phù hợp với ngành nghề kinh doanh của đơn vị đang theo đảm bảo tỷ lệ gián tiếp và phục vụ từ 20-:-22%.

#### **2.4 Công tác quản lý dự án đầu tư.**

- Hiện nay Công ty CP Sông Đà 9 chỉ thực hiện đầu tư 01 dự án nhà máy thủy điện Pake với công suất là 26MW với tổng mức đầu tư là 875 tỷ. Trong quá trình thực hiện đầu tư dự án đơn vị tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước cũng như của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP.

##### **Công tác thủ tục pháp lý:**

- + Hoàn thành Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt của Bộ TNMT.
- + Hoàn thành hồ sơ thủ tục thu hồi, phương án bồi thường rừng; Chuyển mục đích sử dụng rừng, hồ sơ trồng rừng thay thế cho dự án;
- + Hoàn thành thủ tục pháp lý với chính quyền địa phương về thực hiện thu dọn lòng hồ phục vụ nghiệm thu tích nước;
- + Hoàn thành thủ tục xin ủy quyền thu hồi đất; phê duyệt giá đất cụ thể để phê duyệt phương án đền bù GPMB tỉnh Lào Cai.
- + Hoàn thành tờ trình của Sở TNMT gửi UBND tỉnh Hà Giang về việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (đợt 1) cho dự án;

##### **Công tác đền bù, GPMB:**

- + Huyện Xín Mần: Đã phê duyệt phương án bồi thường GPMB và ra quyết định thu hồi đất (đợt 1) ngày 16/5/2019; Phối hợp hội đồng bồi thường GPMB, phòng TNMT huyện giải quyết các vướng mắc còn lại để phê duyệt phương án bồi thường GPMB và ra quyết định thu hồi đất (đợt 2);
- + Huyện Bắc Hà: Hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường GPMB và ra quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho dự án;
- + Huyện Si Ma Cai: Phối hợp phòng TNMT hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường GPMB và ra quyết định thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho dự án.

##### **Công tác thiết bị:**

- **Thiết bị cơ khí thủy công:**
  - + Cửa nhận nước: Hoàn thành lắp đặt thiết bị CKTC; đang tiến hành xử lý hệ thống nâng hạ cửa van sửa chữa. Chuyển giao công nghệ vận hành thiết bị cho Chủ đầu tư.

- + Đập tràn: Hoàn thành lắp đặt và đưa vào vận hành thiết bị CKTC đập tràn. Đang tiến hành xử lý hệ thống nâng hạ cửa van sửa chữa và khắc phục độ kín khít cửa van vận hành cống xả cát. Chuyển giao công nghệ vận hành thiết bị cho Chủ đầu tư.
- *Thiết bị cơ điện nhà máy:*
  - + TM1: Hoàn thiện tất cả các công việc lắp đặt tĩnh, đang chuẩn bị cho công tác chạy thử đồng bộ toàn hệ thống của tổ máy.
  - + TM2: Hoàn thiện tất cả các công việc lắp đặt tĩnh, đang chuẩn bị cho công tác chạy thử đồng bộ toàn hệ thống của tổ máy.
  - + Thiết bị phụ + thiết bị điện: Hoàn thành lắp đặt, sơn chỉ thị màu và nghiệm thu chạy thử các hệ thống.
  - + *Cơ khí thủy công:* Hoàn thành lắp đặt cầu trục chân dê. Bàn giao công nghệ vận hành thiết bị cho Chủ đầu tư.
- *Trạm OPY:* Hoàn thành lắp đặt thiết bị trạm.
- *Các công tác khác*
  - + Phần thiết bị quan trắc: Hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc vị trí MC6-6 và mốc chuyển vị, giếng đo không áp; chưa hoàn thành lắp đặt MC5-5, đo chu kỳ 0 và chuyển giao công nghệ.
  - + Kiến trúc chiếu sáng đỉnh đập: chưa triển khai thi công.
  - + Phao chắn rác: chưa triển khai thi công.
  - + Chưa hoàn thành lắp đặt hệ thống bơm, hệ thống chiếu sáng trong hành lang thân đập.
- *Công tác đường dây, đấu nối:*
  - + Công tác bồi thường: Hoàn thành GPMB và bàn giao mặt bằng tất cả các vị trí cột thi công cho nhà thầu.
  - + Hoàn thành bàn giao mặt bằng thi công ngăn lộ mở rộng cho nhà thầu triển khai thi công.
  - + Bê tông móng trụ cột: hoàn thành 28/39 vị trí.
  - + Lắp dựng cột: hoàn thành 26/39 vị trí.
  - + Kéo, rải căng dây dẫn, dây cáp quang kết hợp chống sét: TH 5,43km/TK14,76km
  - + Ngăn lộ mở rộng: Chưa thi công xong phần móng ngăn lộ mở rộng.
- *Đánh giá các dự án đã đầu tư:*
  - + Đối với dự án thủy điện Pake: Tập trung mọi nguồn lực để phát điện quý I/2020, chậm 06 tháng so với tiến độ ban đầu; dự án xây dựng đảm bảo chất lượng.

## 2.5 Công tác tiếp thị đấu thầu.

- Bộ máy làm công tác tiếp thị đấu thầu tại đơn vị gồm 5 người, đội ngũ cán bộ đủ trình độ làm công tác đấu thầu.
- Kết quả trúng thầu năm 2019: đạt 460 tỷ/700 tỷ (đạt 65,7%), cụ thể là gói 17 – Hồ chứa nước Cánh Tạng, Gói thầu số 03, 04 dự án Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá.
- Kế hoạch phát triển thị trường, tiếp thị đấu thầu năm 2020, Giá trị trúng thầu: 600 tỷ, cụ thể trọng tâm vào các nhóm sau:
  - + Tiếp thị các dự án nhiệt điện lớn có yếu tố nước ngoài.
  - + Đấu thầu và làm tổng thầu các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong nước.

- + Mở rộng ngành nghề như xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng công trình.
- + Thi công các công trình đường giao thông với tính chất nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ phù hợp với năng lực của đơn vị hoặc liên danh.
- + Chú trọng tìm kiếm, tham gia đấu thầu các dự án về môi trường, biến đổi khí hậu có nguồn vốn nước ngoài (ODA) như WB, ADB, JK...
- + Đấu thầu các dự án thủy lợi của Bộ NNPT Nông thôn hoặc các tỉnh.
- + Tiếp tục tìm kiếm việc làm từ các công trình thủy điện vừa và nhỏ trong và ngoài nước.

## 2.6 Công tác kinh tế.

**Các tồn tại về kinh tế tại các công trình, dự án khi quyết toán các công trình với CĐT:**

- Công trình chỉ định thầu: Cơ bản đơn vị đã quyết toán xong các công trình lớn như Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Hòa Na; các công trình còn vướng chưa quyết toán xong bao gồm: Đồng Nai 5, Xekaman 1, Xekaman 3, Nhà Quốc hội (do vướng mắc từ phía CĐT chưa thống nhất được biện pháp, khối lượng và TDT; một phần do CĐT thiếu vốn nên chưa muốn quyết toán).
- Công trình đấu thầu + chào giá bao gồm: Nam Theun, Đăk mi 2.
  - + Công trình Nam Theun1: Do CĐT dừng thực hiện hợp đồng với Liên danh CMC/ITD/SONGDA nên việc thi công của đơn vị tại công trình này bị chấm dứt ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất của đơn vị. Hiện tại đơn vị đang kết hợp với TCT để giải quyết các vướng mắc, tiến hành nghiệm thu, thanh quyết toán công trình (đến 31/12/2019 tổng giá trị dở dang và công nợ tại công trình là: 113,3 tỷ : sản lượng dở dang: 66,3 tỷ; công nợ dở dang: 47 tỷ).
  - + Công trình Đăk mi: Đến 31/12/2019 dở dang và công nợ của công trình là 13 tỷ; do chủ đầu tư thiếu vốn nên chưa quyết toán được.

## 2.7 Công tác kỹ thuật thi công.

### \* Công trình thủy điện Pake

- Công tác xây dựng: Hoàn thành thi công công tác xây dựng các hạng mục chính của dự án, đang triển khai thi công công tác hoàn thiện một số hạng mục, tiến độ đạt 96%KL
- Công tác thi công lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công: Đã hoàn thành thi công, đạt 100%KL.
- Công tác lắp đặt các thiết bị cơ điện: Đã hoàn thành lắp đặt toàn bộ thiết bị, hệ thống tổ máy 1+2, đạt 100%KL. Đang tiến hành kiểm tra và thử nghiệm các hệ thống chuẩn bị cho công tác nghiệm thu đóng điện.
- Công tác GPMB:
- + Tỉnh Lào Cai: Đã hoàn thành thủ tục GPMB và cấp giấy chứng nhận khu đầu mối, khu vực lòng hồ đã hoàn thành thủ tục GPMB huyện Bắc Hà, đối với huyện Simacai đang làm việc với UBND huyện để ra quyết định thu hồi đất và GPMB theo quy định.



- + Tỉnh Hà Giang: Đã hoàn thành thủ tục GPMB khu đầu mối, khu vực lòng hồ đang làm việc với UBND huyện Xín Mần để ra quyết định thu hồi đất và GPMB theo quy định.
- + Đường dây 110kV: Đã hoàn thành giải phóng các vị trí móng cột, đang hoàn thiện thủ tục đo vẽ và giải phóng phạm vi hành lang tuyến đường dây.
- Các thủ tục pháp lý đóng điện dự án: Đang tiến hành hoàn thiện các thủ như Hợp đồng mua bán điện, giấy phép hoạt động điện lực... Hoàn thành cuối tháng 2/2020.
- Công tác nghiệm thu, đóng điện: Đang làm việc với các bên liên quan để tiến hành thử nghiệm từ đầu tháng 3/2020, hoàn thành các thủ tục và phần đấu phát điện thương mại vào cuối tháng 3/2020.
- \* **Công trình Hồ chứa nước Bản Lái**
  - Công tác xây dựng: Hoàn thành thi công RCC vai phải đập vào cuối tháng 11/2019, đang triển khai thi công bê tông RCC vai trái đập, lũy kế thực hiện đạt 65%KL, dự kiến hoàn thành ngày 15/5/2020.
- \* **Công trình Hồ chứa nước Cánh Tạng**
  - Công tác xây dựng: Đang triển khai thi công cống dẫn dòng, chưa triển khai thi công Đập tràn, gia cố mái đập dâng. Lũy kế thực hiện đạt 10%KL, dự kiến hoàn thành toàn bộ công trình vào tháng 2/2021.
- \* **Công trình Yên Xá – Gói thầu số 4**
  - Công tác xây dựng: Đang triển khai thi hệ thống thoát nước tuyến Đại Thanh, đang tiến hành khảo sát và lập BVTC tuyến Hữu Hòa, Ngõ 11, khối lượng thi công chính đạt 5%KL. Kế hoạch hoàn thành gói thầu tháng 3/2021.
- \* **Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ**
  - Công tác xây dựng: Đã hoàn thành thi công RCC đập phụ số 3, đang triển khai thi công RCC đập phụ số 4 và hoàn thành công tác khai thác đá, lũy kế thực hiện đạt 75%KL, dự kiến hoàn thành toàn bộ công trình vào 31/5/2020.
- \* **Công trình F2 – TP.HCM**
  - Công tác xây dựng: Đang triển khai thi công công tác đóng cọc và bê tông gia cố kênh dẫn, khối lượng thi công cọc đạt 55%KL, thi công gia cố kênh dẫn đạt 15%KL, dự kiến hoàn thành toàn bộ gói thầu vào tháng 5/2021.
- \* **Công trình nhiệt điện Long Phú**
  - Công tác xây dựng: Hiện tại đã hoàn thành thi công bóc phủ lòng bãi thải xỉ, đang tạm dừng thi công do vướng thủ tục đấu thầu vật liệu với Chủ đầu tư.
- \* **Công trình thủy điện Nam Theun 1**
  - Công tác xây dựng: Công tác thi công RCC đập chính đạt 22%, hiện tại đã dừng hợp đồng thi công từ tháng 11/2019.

## **2.8 Công tác kiểm tra, pháp chế.**

Năm 2019, Ban kiểm soát nội bộ Tổng công ty Sông Đà đã kiểm tra công tác sản xuất kinh doanh 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019 tại đơn vị. Theo kết luận yêu cầu khắc phục các tồn tại của Ban kiểm soát:

- Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh, rà soát tiến độ thực hiện các dự án, đặc biệt là mục tiêu phát điện nhà máy thủy điện Pa Ke dự kiến vào quý I/2020.
- Về thu hồi công nợ: Công ty đã xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể và phân công giao nhiệm vụ cụ thể cho từng lãnh đạo phụ trách trực tiếp để đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ; đến nay Công ty đã thu được 212,369 tỷ đồng. Số công nợ còn lại Công ty đang tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi để có vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Về thoái vốn các khoản đầu tư tài chính: Trong năm 2019 công ty đã xây dựng lộ trình thoái 04 khoản đầu tư tài chính với giá trị là 31.412.940.000 đồng nhưng vẫn chưa thoái được khoản đầu tư tài chính nào do các cổ phiếu mà Công ty có kế hoạch thoái đều có giá giao dịch trên thị trường dưới mệnh giá (*Công ty cổ phần Sông Đà 1 mã chứng khoán SD1: có giá giao dịch trên thị trường là 2.000đ/cp và không có giao dịch; Công ty cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà có mã chứng khoán SDH: có giá giao dịch cao nhất là 1.600đ/cp và thấp nhất 600đ/cp và rất ít giao dịch; Công ty cổ phần Sông Đà Hà Nội có mã chứng khoán ASD: giá giao dịch từ 3.700đ/cp đến 5.200đ/cp và hầu như không có giao dịch; Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Vân Phong thì chưa tìm được nhà đầu tư để chuyển nhượng*). Trong thời gian tới, căn cứ vào tình hình thị trường giao dịch các mã chứng khoán để Công ty thoái vốn theo quy định và tiếp tục tìm kiếm nhà đầu tư để chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính để thu hồi vốn.

## PHẦN THỨ HAI

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

#### III. Kế hoạch SXKD năm 2020:

##### 1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2020
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>9</sup> đ	710
-	Giá trị xây lắp	10 <sup>9</sup> đ	550
-	Giá trị SX công nghiệp	“	130
-	Giá trị kinh doanh khác	“	30
2	Doanh thu	“	663
3	Tiền về tài khoản	“	667
4	Nộp Ngân sách	“	46
5	Lợi nhuận trước thuế	“	32,9
6	Lợi nhuận sau thuế	“	30,6
7	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	615
8	Vốn điều lệ	10 <sup>9</sup> đ	342

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2020
9	Tổng tài sản	10 <sup>9</sup> đ	2.325
10	Tỷ lệ cổ tức	%	8
<b>11</b>	<b>Lao động tiền lương</b>		
-	Tổng số CBCNV bq sử dụng	Người	600
-	Thu nhập bq CBCNV/tháng	10 <sup>3</sup> đ	11.928
<b>12</b>	<b>Kế hoạch đầu tư</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>25,5</b>
-	Đầu tư mở rộng SXKD	10 <sup>9</sup> đ	25,5
-	Đầu tư nâng cao năng lực thi công	10 <sup>9</sup> đ	

## 2. Kế hoạch SXKD các công trình năm 2020.

- + Thi công nhiệt điện Long Phú: 81,9 tỷ.
- + Thi công gói thầu F2: 198,2 tỷ.
- + Hoàn thành thi công dự án hồ chứa nước Bản Lái: 29,4 tỷ.
- + Hoàn thành thi công dự án Tân Mỹ: 64,2 tỷ.
- + Hoàn thành thi công dự án Pake: 5,4 tỷ.
- + Thi công hồ chứa Cánh Tạng: 36,7 tỷ.
- + Thi công hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (gói 3+4): 89 tỷ.
- + Công trình dự kiến khác: 45 tỷ.
- + Sản xuất công nghiệp: 306 tỷ (Nậm Khánh: 40 tỷ; Pake: 90 tỷ; Nậm Mu: 176 tỷ).
- + Phục vụ xây lắp, hoạt động tài chính: 30 tỷ (cổ tức, cho thuê trụ sở, thuê XMTB).
- Tất cả kế hoạch sản lượng các công trình trên đã có hợp đồng.

### \* Mục tiêu, tiến độ các công trình năm 2019:

- + Tổng khối lượng bê tông RCC: 168.340 m<sup>3</sup>; bê tông CVC: 46.247m<sup>3</sup>; khoan phun, khoan thoát nước: 1.452m; đào đất đá: 325.340m<sup>3</sup>; đắp đất đá, cát: 528.919m<sup>3</sup>.

### 2.1 Thủy điện PaKe:

**Thủ tục pháp lý, bồi thường GPMB:** Thực hiện xong trong quý I/2020

#### **Công tác thi công:**

- Hoàn thành công tác gia cố mái trước 24/3/2020 (Bê tông + phun vẩy), khối lượng 480m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành công tác gia cố mái kênh xả từ 227-:- 238 trước 29/2/2020, khối lượng 573m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành công tác gia cố mái xử lý sạt VH2 trước 30/4/2020, khối lượng 3.500m<sup>2</sup>.
- Hoàn thành công tác thi công đường vận hành trước 31/3/2020, khối lượng

2.040m<sup>3</sup>.

- Hoàn thành thi công cột, lắp dựng cột ngày 15/2/2020, kéo dài căng dây ngày 20/2/2020, khối lượng 12 cột.
- Hoàn thành thi công ngăn lộ mở rộng ngày 29/2/2020.
- Nghiệm thu, bàn giao đóng điện từ ngày 01/3-:-10/3/2020

### **2.2 Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:**

- Hoàn thành thi công công tác đóng cọc ống trước 31/10/2020, cọc ván trước 31/12/2020, khối lượng 103.774md.
- Hoàn thành 80% khối lượng công tác thi công bê tông tường kè trước 30/10/2019, khối lượng 11.000m<sup>3</sup>.
- Đảm bảo 03 mũi thi công bê tông kè tường kênh ngang số 3 và kênh Tàu Hũ
- Hoàn thành 70% công tác thi công vỉa hè, lề đường trước 31/12/2020
- Hoàn thành công tác nạo vét lòng kênh trước 30/10/2020, khối lượng 404.243m<sup>3</sup>.

### **2.3 Công trình Tân Mỹ:**

- Hoàn thành thi công CVC trám phẳng đập phụ 4 ngày 20/1/2020; hoàn thành thi công CVC đỉnh đập phụ 3 ngày 15/5/2020; hoàn thành CVC đỉnh đập phụ 4 ngày 30/6/2020, khối lượng 6.100m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành công tác khoan phun nền đập trước 25/1/2020; khoan thoát nước trước 30/4/2020, khối lượng 1.452md.
- Hoàn thành công tác cấp đá trạm nghiên trước 28/2/2020, khối lượng 21.902m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành thi công RCC đập phụ 3 ngày 25/1/2020; thi công bê tông RCC đập phụ 4 từ ngày 1/3/2020; hoàn thành thi công RCC đập phụ 4 vào 31/5/2020, khối lượng 67.240m<sup>3</sup>

### **2.4 Hồ chứa nước Bản Lãi:**

- Hoàn thành thi công cầu kiện đúc sẵn ngày 28/2/2020, nhân lực thi công 10 người, khối lượng 125CK.
- Thi công bê tông RCC từ ngày 5/1/2020; kết thúc vai trái đập đến cao trình 314,0m ngày 30/4/2020, khối lượng 101.100m<sup>3</sup>.

### **2.5 Hồ chứa Cánh Tạng:**

- Hoàn thành thi công bê tông cống dẫn dòng ngày 31/3/2020, khối lượng 2.900m<sup>3</sup>.
- Thi công đập tràn từ tháng 7/2020 đến 31/12/2020 khối lượng 15.800m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành thi công bê tông gia cố mái ngày 31/12/2020, khối lượng 3.200m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành thi công xây đá hộc rãnh đập chính ngày 31/12/2020, khối lượng 700m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành công tác thi công trồng cỏ đập chính ngày 31/12/2020, khối lượng 12.500m<sup>2</sup>.

### **2.6 Hồ chứa Long Phú:**

- Hoàn thành công tác đào nền lòng bãi trước 30/6/2020, khối lượng 42.240m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành công tác đắp đê bao giai đoạn I trước 30/6/2020, giai đoạn II trước 31/12/2020, khối lượng 159.067m<sup>3</sup>.

- Hoàn thành công tác đắp cát xử lý nền trước 30/9/2020, khối lượng 31.416m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành công tác đắp đất lòng bãi trước 30/9/2020, khối lượng 211.406m<sup>3</sup>.
- Hoàn thành gia cố nền lòng bãi trước 31/8/2020, hoàn thành trải vải địa kỹ thuật trước 30/9/2019, khối lượng 96.281m<sup>3</sup>.

### **2.7 Công trình Yên Xá (gói 4):**

- Hoàn thành các tuyến cống Đại Thanh, ngõ 111, Cầu Hữu Hòa và 50% tuyến cống Thanh Bình, khối lượng 2.176md.
- Hoàn thành các hố ga thuộc các tuyến cống Đại Thanh, ngõ 111, Cầu Hữu Hòa và 50% tuyến cống Thanh Bình, khối lượng 66 hố.
- Hoàn thành các giếng tách thuộc các tuyến cống Đại Thanh, ngõ 111, Cầu Hữu Hòa và 50% tuyến cống Thanh Bình, khối lượng 9 giếng.

### **2.8 Công trình Yên Xá (gói 3):**

- Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế trước 31/3/2020, triển khai thi công nhánh từ 27.2-:-27.5 từ tháng 6/2020, khối lượng thi công tuyến cống D315; D400: 496md.
- Thi công tuyến cống D1200 đến 31/12/2020: Thi công hoàn thành nhánh 27.2-:-27.5; thi công 40% đoạn tuyến đào hồ sông Sét, thi công 25% tuyến đào mở RC1200, khối lượng 170md.
- Triển khai thi công tuyến cống chính BTCT D1200 từ tháng 10/2020; thi công 22 hố ga, 23 giếng tách.

### **3. Các nhiệm vụ, giải pháp chính để hoàn thành kế hoạch năm 2020:**

- Sắp xếp đội ngũ gián tiếp tại các phòng ban, chi nhánh để giám sát đầu mối và đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức mới, yêu cầu SXKD hiện nay của Công ty.
- Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2020 cũng như các năm tiếp theo.
- Lập kế hoạch phát triển thương hiệu để Sông Đà 9 trở thành một đơn vị có thương hiệu lớn trên thị trường trong nước và khu vực trong công tác thi công bê tông RCC, thi công đập thủy điện, thủy lợi lớn.
- Quản lý tốt công tác an toàn trên các công trường Công ty tham gia thi công.
- Tìm mọi biện pháp, giải pháp như tăng cường nghiệm thu, thanh toán để giải ngân giá trị đã thực hiện tại dự án Pake đảm bảo vốn cho sản xuất và giải quyết các tồn tại còn lại của dự án đảm bảo hoàn thành phát điện đúng tiến độ.
- Chỉ đạo quyết liệt công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ, giảm công nợ cá nhân, công nợ khó đòi đảm bảo lành mạnh hóa tài chính của Công ty; đảm bảo nguồn tài chính phục vụ cho sản xuất, trả nợ các tổ chức tín dụng, trả lương và các chế độ cho người lao động, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giá thành, kế hoạch chi phí cho từng công trình; quản lý theo giá thành các công trình đã được phê duyệt, đảm bảo các chỉ tiêu lợi nhuận đã tính toán.
- Rà soát thật cụ thể tình hình sản xuất tại các công trường từ XMTB, Vật tư, con

người để điều động tăng cường bổ sung cho các nơi còn thiếu, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có của đơn vị, Tuyển dụng bổ sung bố trí đủ lực lượng lao động; xe máy thiết bị; các vật tư thiết yếu để thi công các công trình có nguồn vốn tốt như Tân Mỹ, nhà máy nước Hòa Liên, Gói 3+4 Yên Xá, Cánh tạn, F2...

- Kiểm kê, rà soát các XMTB hết khấu hao, không có khả năng tái sử dụng tại các công trường để báo cáo chủ sở hữu tiến hành bán thanh lý, thu hồi vốn cho sản xuất.
- Tăng cường sửa chữa, bảo dưỡng XMTB để đảm bảo đủ năng lực thi công; xây dựng lại Bảng giá ca máy cho thuê phù hợp với thị trường và tình trạng XMTB hiện nay để từng bước tham gia thị trường cho thuê XMTB;
- Xây dựng chương trình, lộ trình để thoái các khoản đầu tư về tài chính khi thuận lợi.
- Phân tích kết quả hoạt động SXKD hàng quý và từng công trình, xác định các tồn tại, yếu kém, bất cập để có hướng khắc phục nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế.
- Rà soát hoàn thiện và xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của đơn vị đảm bảo tính pháp lý và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị; xây dựng, thẩm định, quản lý và cập nhật hệ thống văn bản quy chế của đơn vị.

*Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2019; kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty CP Sông Đà 9 và các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 9, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.*

**Trân trọng báo cáo!**

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



*Trần Thế Quang*



**BÁO CÁO**

**THỰC HIỆN KHSXKD NĂM 2019; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2019			KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%HT	
I	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	10. <sup>6</sup> đ	<b>800.000</b>	<b>676.903</b>	<b>85</b>	<b>710.000</b>
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10. <sup>6</sup> đ	695.000	595.400	86	550.000
2	Giá trị kinh doanh công nghiệp	10. <sup>6</sup> đ	95.000	44.685	47	130.000
3	Giá trị kinh doanh dịch vụ khác	10. <sup>6</sup> đ	10.000	36.818	368	30.000
II	<b>Kế hoạch tài chính</b>					
1	Doanh số	10. <sup>6</sup> đ	790.000	594.322	75	717.356
2	Tổng doanh thu	10. <sup>6</sup> đ	750.000	559.751	75	663.118
3	Tiền về tài khoản	10. <sup>6</sup> đ	832.163	584.611	70	667.140
4	Nộp Ngân sách	10. <sup>6</sup> đ	34.000	29.086	86	45.823
5	Lợi nhuận					
	- Lợi nhuận trước thuế	10. <sup>6</sup> đ	40.000	6.935	17	32.900
	- Lợi nhuận sau thuế	10. <sup>6</sup> đ	35.000	6.935	20	30.604
6	Tỷ suất lợi nhuận					
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/Doanh thu)	%	5,3	1,24	23	5,0
	ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)	%	5,6	1,16	21	5,0
	ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)	%	1,6	0,34	21	1,3
7	Vốn chủ sở hữu	10. <sup>6</sup> đ	626.792	598.711	96	614.503
8	Vốn điều lệ	10. <sup>6</sup> đ	342.340	342.340	100	342.340
9	Tổng tài sản	10. <sup>6</sup> đ	2.149.905	2.062.902	96	2.324.808
10	Nợ phải trả	10. <sup>6</sup> đ	1.523.113	1.464.191	96	1.710.305
10	Hệ số nợ phải trả/(VCSH)	lần	2,43	2,45	101	2,78
11	Hệ số nợ phải trả/(VDL)	lần	4,45	4,28	96	5,00
12	Tỷ lệ cổ tức	%	10,00	4,00	40	8,00
III	<b>Lao động và tiền lương</b>					
1	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	Người	1.419	821	58	600
2	Thu nhập bình quân CBCNV/tháng	10. <sup>6</sup> đ	10.313	9.497	92	11.928
B	<b>Kế hoạch đầu tư</b>	10. <sup>6</sup> đ	<b>357.417</b>	<b>281.393</b>	<b>79</b>	<b>25.500</b>

PHÒNG KINH TẾ - CHIẾN LƯỢC



Phạm Ngọc Tuấn

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC




Trần Thế Quang









**BÁO CÁO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**  
**THỰC HIỆN NĂM 2019, KẾ HOẠCH NĂM 2020**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019	THỰC HIỆN 2019	TỶ LỆ HT NĂM 2019	KẾ HOẠCH NĂM 2020
I	<b>GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG</b>	103đ	800.000.000	676.903.093	85%	710.000.000
II	<b>DOANH SỐ BÁN HÀNG</b>	103đ	790.000.000	594.322.322	75%	717.356.111
1	Doanh thu	103đ	750.000.000	559.751.521	75%	663.118.032
a	HĐ SX kinh doanh	103đ	733.935.000	529.833.586	72%	641.698.032
b	Hoạt động tài chính, khác	103đ	16.065.000	29.917.935	186%	21.420.000
2	Thuế GTGT đầu ra	103đ	40.000.000	34.570.800	86%	54.238.079
III	<b>THU TIỀN VỀ TÀI KHOẢN</b>	103đ	832.162.797	584.611.836	70%	667.140.000
1	Mức lợi nhuận trước thuế	103đ	40.000.000	6.935.282	17%	32.900.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	103đ	5.000.000	-	0%	2.296.000
2	Lợi nhuận sau thuế	103đ	35.000.000	6.935.282	20%	30.604.000
3	Tỷ lệ lợi nhuận					
	- Lợi nhuận/doanh thu (LN cận biên)	%	5,3%	1,2%	23%	5,0%
	- Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	10,2%	2,0%	20%	8,9%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	5,6%	1,2%	21%	5,0%
	- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	1,6%	0,3%	21%	1,3%
VI	<b>CÁC KHOẢN NỘP NS</b>	10 3 đ	34.000.605	29.086.442	86%	45.823.696
1	Các khoản nộp nhà nước	103đ	24.300.781	20.946.857	86%	36.870.152
	- Thuế GTGT phải nộp	103đ	10.100.000	15.018.368	149%	22.779.993
	+ Thuế GTGT đầu ra	103đ				
	+ Thuế GTGT đầu vào	103đ				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	103đ	5.000.000	-	0%	2.296.000
	- Thuế khác	103đ	9.200.781	5.928.489	64%	11.794.159
2	Các khoản nộp khác	103đ	9.699.824	8.139.585	84%	8.953.544
	BHXH; y tế; BHTN	103đ	9.699.824	8.139.585	84%	8.953.544
VII	<b>TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP</b>					
1	CBCNV đến cuối kỳ	người	1.419	717	51%	600
2	CBCNV bình quân	người	1.419	821	58%	600
3	Tổng quỹ lương thực trả	103đ	175.617.556	93.567.552	53%	85.881.000
4	Các khoản thu nhập khác	103đ				
5	Tổng thu nhập	103đ	175.617.556	93.567.552	53%	85.881.000
6	Tiền lương b/q CBCNV	103đ	10.313	9.497	92%	11.928
7	Thu nhập b/q CBCNV	103đ	10.313	9.497	92%	11.928
VIII	<b>TSCĐ VÀ KHẤU HAO TSCĐ</b>					
1	Nguyên giá BQ cần tính KH	103đ	535.769.624	500.847.183	93%	1.081.867.863
2	Số tiền trích khấu hao	103đ	46.344.538	43.058.649	93%	72.505.249
3	Tỷ lệ khấu hao	103đ	8,7%	8,6%	99%	6,7%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	103đ	942.023.037	942.023.037	100%	938.642.849
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	103đ	983.701.100	938.642.849	95%	1.686.612.590
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	103đ	266.683.874	224.835.874	84%	900.300.366
IX	<b>VỐN K.DOANH ĐẾN CKỶ</b>	103đ	1.699.904.696	1.436.233.070	84%	1.724.808.412
1	Vốn chủ sở hữu	103đ	626.791.832	598.710.996	96%	614.503.870

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019	THỰC HIỆN 2019	TỶ LỆ HT NĂM 2019	KẾ HOẠCH NĂM 2020
a	Vốn điều lệ	103đ	342.340.000	342.340.000	100%	342.340.000
	Vốn góp của TCT SĐà	103đ	200.269.440	200.269.440	100%	200.269.440
	Vốn của các cổ đông	103đ	142.070.560	142.070.560	100%	142.070.560
b	Thặng dư vốn	103đ	21.400.709	21.400.709	100%	21.400.709
c	Quỹ ĐTPT	103đ	219.965.678	219.965.678	100%	219.965.678
d	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	103đ	43.085.445	15.004.609	35%	30.797.483
2	Nguồn vốn vay	103đ	1.073.112.864	837.522.074	78%	1.110.304.542
	- Vay ngắn hạn	103đ	500.000.000	420.962.952	84%	500.000.000
	- Vay dài hạn	103đ	573.112.864	416.559.122	73%	610.304.542
3	Tổng tài sản	103đ	2.149.904.696	2.062.902.389	96%	2.324.808.412
4	Nợ phải trả	103đ	1.523.112.864	1.464.191.393	96%	1.710.304.542
5	Nợ phải trả/VCSH	Lần	2,43	2,45	101%	2,78
6	Nợ vay NH/VCSH	Lần	1,71	1,40	82%	1,81
7	Nợ phải trả/VĐL	Lần	4,45	4,28	96%	5,00
X	<b>CỔ TỨC</b>	%	<b>10%</b>	<b>4,0%</b>		<b>8,0%</b>

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

/ Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





  
Trần Thế Quang

**BÁO CÁO**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**  
**VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019 VÀ**  
**CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2020**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 (HĐQT) trân trọng báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019**

Trong năm 2019, HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 9 đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty

**1. Công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị đã họp định kỳ hàng quý, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh và kiểm điểm tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý.
- Ban hành các Nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, kịp thời chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Giám sát việc thực hiện sản xuất kinh doanh của đơn vị qua các cuộc họp, kiểm tra định kỳ và đột xuất.
- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm, quyền hạn, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành và có những nhận xét đánh giá rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban tổng giám đốc và đã giám sát hoạt động SXKD của đơn vị tương đối kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp hợp lý.

**2. Kết quả giám sát Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác**

- Năm 2019, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của đơn vị, đặc biệt trong lĩnh vực tiếp thị tìm kiếm việc làm cho đơn vị.
- Năm 2019, Hội đồng quản trị chưa phát hiện thấy điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty và không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến Ban Tổng giám đốc Công ty và chức danh quản lý khác
- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã triển khai thực hiện công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị theo quy định của Pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ Công ty.

### 3. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

#### a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>3</sup> đ	800.000.000	677.060.056	85
2	Doanh thu	10 <sup>3</sup> đ	750.000.000	559.751.521	75
3	Lợi nhuận	10 <sup>3</sup> đ	35.213.000	6.935.282	20
4	Dự kiến tỷ lệ cố tức	%	10	4	40

#### b. Về công tác quản lý sản xuất:

- Hội đồng quản trị Công ty đã thường xuyên bám sát tình hình nhiệm vụ của Công ty, ngoài các cuộc họp thường kỳ hàng quý Hội đồng quản trị còn duy trì các cuộc họp định kỳ hàng tháng giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, qua đó kịp thời đưa ra các giải pháp cùng ban Tổng giám đốc điều hành xử lý, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý điều hành nói chung, đồng thời giúp cho các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của HĐQT luôn phù hợp với yêu cầu thực tiễn và phát huy được hiệu quả.

- Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của đơn vị, tạo điều kiện để Ban Tổng giám đốc chủ động hoàn thành nhiệm vụ SXKD, phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi công các công trình nhằm khắc phục chậm tiến độ, duy trì đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo xây dựng, sửa đổi bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế quản lý của Chủ sở hữu; đồng thời phát huy được sự chủ động, tự chịu trách nhiệm của lãnh đạo Công ty và các đơn vị trong thực thi các quyền liên quan đến hoạt động điều hành công ty. Cụ thể năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo sửa đổi bổ sung và quyết định ban hành 05 quy chế, quy định. Các quy chế của đơn vị đã đảm bảo đã hướng tới sự tuân thủ pháp luật và phát huy tính chủ động cao của bộ máy quản lý.

c. Công tác phân tích đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh tại các đơn vị cũng được quan tâm. Hội đồng quản trị Công ty đã trực tiếp tham gia giám sát kiểm tra, chỉ đạo kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ quan Công ty và một số đơn vị và đã có nhiều giải pháp quan trọng hỗ trợ các đơn vị để khắc phục các yếu kém tồn tại nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### d. Về công tác quản lý đầu tư:

- Tổng giá trị đầu tư của Công ty năm 2019 là 281,393 tỷ đồng/KH 357,417 tỷ đồng ( 79%). Nhìn chung việc quản lý đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty đều tuân thủ các quy định của pháp luật phù hợp với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Phê duyệt thông qua các gói thầu thuộc kế hoạch LCNT dự án thủy điện Pa Ke đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và quy chế nội bộ của đơn vị.

- Phê duyệt thông qua các hợp đồng xây lắp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị công ty.

#### 4. Các cuộc họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019:

- Hội đồng quản trị có 04 cuộc họp thường kỳ vào đầu các quý, các cuộc họp này có nội dung chủ yếu: Phê duyệt thực hiện sản xuất kinh doanh của quý trước, các mặt làm được, chưa làm được, các tồn tại và giải pháp khắc phục; duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý tiếp theo cùng các giải pháp thực hiện; và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Họp thường xuyên hàng tháng giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng công ty để kịp thời chỉ đạo và đưa ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, mục tiêu tiến độ các công trình trọng điểm của công ty, của các đơn vị.
- Năm 2019 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 210 chỉ thị, nghị quyết, quyết định liên quan đến công tác quản lý và điều hành Công ty.
- Nhìn chung các quyết định, nghị quyết và chỉ thị của Hội đồng quản trị Công ty đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy chế hiện hành của đơn vị và kịp thời đảm bảo công tác quản lý điều hành.

#### 5. Lương, Thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị công ty năm 2019

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019 được hưởng 70% KH	Tổng lương, thù lao năm 2019 ( đồng)
<b>I</b>	<b>Lương của cán bộ chuyên trách</b>					
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	39,000,000	27,300,000	327,600,000
2	T.ban Kiểm soát	1	12	20,000,000	14,000,000	168,000,000
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>					
1	Thành viên HĐQT	2	12	4,500,000	3,150,000	75,600,000
2	Thành viên HĐQT	1	1	4,500,000	3,150,000	3,150,000
3	Thành viên HĐQT	2	8	4,500,000	3,150,000	50,400,000
4	Thành viên HĐQT	1	4	4,500,000	3,150,000	12,600,000
5	Thành viên BKS	2	12	3,000,000	2,100,000	50,400,000
6	Thư ký	1	12	3,000,000	2,100,000	25,200,000
	<b>Tổng cộng</b>					<b>712,950,000</b>

Các chi phí hoạt động, giao dịch, công tác phí của Hội đồng quản trị trong năm qua thực hiện theo đúng quy chế quy định của đơn vị.



## 6. Báo cáo quyết toán lương của cán bộ điều hành Công ty:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương KH được HĐQT phê duyệt	Lương được hưởng 70% KH	Tổng lương 2019 ( đồng)
1	Tổng giám đốc	1	12	35,000,000	24,500,000	294,000,000
2	Phó Tổng giám đốc	1	12	30,000,000	21,000,000	252,000,000
	Phó Tổng giám đốc	1	9	30,000,000	21,000,000	189,000,000
3	Phó Tổng giám đốc	1	< 10	30,000,000	21,000,000	205,227,273
4	Phó Tổng giám đốc	1	< 4	30,000,000	21,000,000	76,650,000
5	Kế toán trưởng	1	< 12	28,000,000	19,600,000	225,400,000
						<b>1,242,277,273</b>

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

### 1. Mục tiêu - chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2020:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 710.000 tỷ đồng;
- Doanh thu : 663.118 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế : 30.604 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 45.823 tỷ đồng;
- Giá trị Đầu tư : 25,5 tỷ đồng;
- Tỷ lệ cổ tức ( dự kiến) : 8 %/năm

### 2. Nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020:

2.1 Chỉ đạo hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kinh tế theo kế hoạch đề ra, đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng kỹ thuật, an toàn các công trình mà Công ty đảm nhận thi công theo thỏa thuận với chủ đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ hoàn tất các thủ tục còn lại và phát điện nhà máy thủy điện Pa Ke.

2.2 Giám sát công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty; đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020 triển khai đúng quy định.

2.3 Chỉ đạo và nâng cao hiệu hoạt động trong công tác pháp chế và quản lý rủi ro, đảm bảo việc quản lý toàn diện, có chiều sâu đối với từng hợp đồng, từng công trình giảm thiểu các rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.4 Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp. Thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy quản lý của Công ty, của đơn vị; triển khai các giải pháp xây dựng bộ máy, hoàn thiện cơ chế quản lý điều hành của Công ty theo hướng: Chuyên nghiệp, gọn nhẹ, có trách nhiệm, tôn trọng luật pháp và quy chế quản lý nội bộ, đảm bảo không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và cùng chia sẻ lợi ích thu được từ sự phát triển của doanh nghiệp.

2.5 Tiếp tục rà soát và hoàn thiện chế độ chính sách, cơ chế quản lý của Công ty đối với người lao động nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và tăng cường sự gắn kết của người lao động đối với đơn vị, đặc biệt là lực lượng lái xe, lái máy và công nhân kỹ thuật khác.

2.6 Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các đơn vị và các công trình theo định kỳ hàng quý; đặc biệt tập trung cho sự phân tích đánh giá đối với từng công trình, qua đó tiếp tục hoàn thiện các chỉ tiêu của chính sách về giá thành, của các định mức kinh tế, kỹ thuật được áp dụng tại Công ty đảm bảo tính khoa học, phù hợp với môi trường kinh doanh hiện tại và giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty .

2.7 Tiếp tục triển khai ứng dụng các phần mềm và các công cụ hỗ trợ quản lý đảm bảo nâng cao thực sự chất lượng thông tin phục vụ cho công tác quản lý điều hành của Công ty.

2.8 Cùng cố và đầu tư các nguồn lực cho công tác thị trường, đấu thầu phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Tăng cường các mối quan hệ với các khách hàng có nhiều tiềm năng để cùng đầu tư, phát triển.

2.9 Chỉ đạo và kiểm tra về công tác quản trị và công bố thông tin định kỳ, bất thường của Công ty theo quy định của pháp luật

2.10 Chỉ đạo tập trung hoàn thiện, sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của đơn vị đảm bảo đúng quy định của Pháp luật

*Kính thưa Quý vị đại biểu và Quý cổ đông./.*

*Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung báo cáo, Hội đồng quản trị sẽ xây dựng chương trình cụ thể trên tinh thần đổi mới kèm theo biện pháp chỉ đạo quyết liệt, triệt để, nhằm đưa Công ty cổ phần Sông Đà 9 đạt được các mục tiêu mà Đại hội đã đề ra.*

*Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin tỏ lòng biết ơn đối với sự ủng hộ tin nhiệm của toàn thể quý vị cổ đông trong thời gian qua. Kính chúc Quý vị đại biểu và Quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.*

Xin trân trọng cảm ơn./.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**  
**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SÔNG ĐÀ 9**  
*Nguyễn Hoàng Cường*  
**Nguyễn Hoàng Cường**







**CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9**  
**BAN KIỂM SOÁT**

Số: 04/CT-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**  
*Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2020*

**Kính thưa: Toàn thể quý Cổ đông**

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước cộng hòa XHCNVN thông qua ngày 26/11/2014.
- Quy chế về quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 9 liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 9.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 trong năm 2019 như sau:

**I. Phạm vi kiểm soát:**

1. Kiểm soát chiến lược: Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu trong quản lý, điều hành hoạt động (SXKD) và đầu tư của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn hoặc những sai phạm, thiết sót để từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp đến Ban lãnh đạo Công ty.
3. Kiểm soát báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị hàng quý của công ty nhằm đánh giá tính hợp lý và minh bạch của các số liệu tài chính; đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập vào giữa năm và cuối năm xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực hiện các kiến nghị của đơn vị Kiểm toán.

**II. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:**

Năm 2019, Ban Kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động của công ty;

- Tham gia đủ 04 cuộc họp của HĐQT. Ban Kiểm soát đã trao đổi và tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty;
- Ban kiểm soát tổ chức 02 cuộc họp với các nội dung chủ yếu: Thông qua báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; Thông qua báo cáo thẩm định tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2019;
- BKS đã thực hiện các công việc như kiểm tra, rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; đưa ra những khuyến nghị sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định quản lý nội bộ của Công ty và pháp luật;
- Kiểm tra, xem xét sổ kế toán và tài liệu kế toán tại một số đơn vị kế toán. Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng kết quả hoạt động SXKD và đầu tư, từ đó có biện pháp kiến nghị kịp thời;
- Hàng quý, 6 tháng và năm: kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ của Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD; thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty; đánh giá công tác quản lý của HĐQT, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và chức danh quản lý khác

*(có một số văn bản: số 12/CT-BKS ngày 11/9/2019; số 15/CT-BKS ngày 15/11/2019; số 01/CT-BKS ngày 12/3/2020 của Ban Kiểm soát kèm theo).*

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban Kiểm soát tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

### **III. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2019:**

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động SXKD năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban, các thành viên Ban Kiểm soát đưa ra một số nhận xét, đánh giá như sau:

#### **1. Tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.**

**1.1 Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu** – theo Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và chương trình công tác năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty. Các chỉ tiêu doanh thu (*không bao gồm doanh thu công trình TĐ Pake 65,110 tỷ đồng*), lợi nhuận theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi CN Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội:

T T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ HTKH (%)
1	Giá trị SXKD (bao gồm giá trị tự thực hiện tại DA Pake)	Tỷ đồng	800	677,060	85
2	Doanh thu	Tỷ đồng	750	494,64	66
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40	6,935	17,3
4	Giá trị Đầu tư	Tỷ đồng	357,416	281,4	79
	Mở rộng SX (TB Pake)	Tỷ đồng		255,1	
	Bổ sung và nâng cao năng lực TBTC (bao gồm DA năm 2017)	Tỷ đồng		26,3	
6	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	35	20,946	59,8
7	Tỷ lệ cổ tức	%	10	DK: 0	

- Trong năm 2019, các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu đều hoàn thành ở mức thấp; đặc biệt, lợi nhuận của Công ty chỉ đạt gần 7 tỷ đồng (bằng 17,3% KH năm); do đó, không đảm bảo kế hoạch cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua;
- Công tác đầu tư không hoàn thành kế hoạch do chậm tiến độ thi công tại dự án thủy điện Pake. Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công được phê duyệt từ năm 2017 nhưng thực hiện kéo dài, đến năm 2019 mới hoàn thành;
- Công ty chưa hoàn thành kế hoạch thoái vốn đầu tư 31,413 tỷ đồng.

### 1.2 Về công tác kế toán và báo cáo tài chính năm 2019:

- Báo cáo tài chính năm 2019 được CN Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2019, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Một số chỉ tiêu chủ yếu trên báo cáo tài chính năm 2019:
  - + Tổng tài sản : 2.062.902.389.211, đồng
  - ✓ Tài sản ngắn hạn: 1.089.554.355.415, đồng
  - ✓ Tài sản dài hạn : 973.348.033.796, đồng
  - + Nguồn vốn: 2.062.902.389.211, đồng

- ✓ *Nợ phải trả:* 1.464.191.393.105, đồng
- ✓ *Nguồn vốn chủ sở hữu:* 598.710.996.106, đồng
- + *Doanh thu:* 494.640.843.969, đồng
- + *Lợi nhuận trước thuế:* 6.935.281.935, đồng
- + *Lợi nhuận sau thuế:* 7.093.174.079, đồng
- + *Lưu chuyển tiền thuần (tỷ đồng):*

Theo hoạt động	Năm 2018	Năm 2019
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	+ 56,8	- 109,2
<i>Trong đó: Từ hoạt động kinh doanh (bao gồm cả tiền ứng trước của KH)</i>	+ 195,9	- 44,7
<i>Từ hoạt động đầu tư</i>	- 206	- 190,5
<i>Từ hoạt động tài chính</i>	+ 66,9	+ 126

Công ty vẫn đang tiếp tục áp dụng tỷ lệ lãi định mức là 10% trong việc xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ như một số năm vừa qua.

- So sánh một số chỉ số năm 2019 với năm 2018:

TT	Các chỉ số	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ tăng (+)/ giảm (-) (%)
1	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Tổng nợ)	Lần	1,52	1,41	- 0,11
2	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,11	1,01	- 0,1
3	Hệ số nợ (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu)	Lần	1,9	2,45	+ 0,55
4	Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	6	1,4	- 4,6
5	Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ (ROE)	%	3,8	1,18	- 2,62
6	LN sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	1,3	0,34	- 0,96

- ✓ Tổng giá trị tài sản tăng 12,9% so với đầu năm trong khi nợ phải trả tăng 22,4%, vốn chủ sở hữu giảm 4,7% làm cho tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tăng 0,55 lần; mặt khác, theo số liệu lưu chuyển dòng tiền thì toàn bộ sự thiếu hụt dòng tiền trong hoạt động kinh doanh và đầu tư được tài trợ bằng nguồn tiền vay ngân hàng. Công ty đang gia tăng sử dụng vốn vay, nợ và phụ



thuộc nhiều vào nguồn vốn này; dẫn đến việc tăng chi phí lãi vay, tăng rủi ro, nguy hiểm về tài chính nếu không cơ cấu được nguồn vốn để trả các khoản nợ vay ngắn hạn hay nợ dài hạn đến hạn trả;

- ✓ Hiện tại, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty được đảm bảo; tuy nhiên giảm so với năm 2018 và đang có xu hướng giảm dần qua thời gian;
- ✓ Các chỉ số đánh giá hiệu quả năm 2019 chưa có dấu hiệu được cải thiện mà còn giảm mạnh so với năm 2018.

### 1.3 Tình hình công nợ phải thu và hàng tồn kho

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	31/12/2018	31/12/2019	Tỷ lệ tăng (+)/ giảm (-)
1	Phải thu khách hàng	622,676	630,905	+ 1,3%
2	Phải thu ngắn hạn khác	50,931	63,625	+ 24,9%
3	Hàng tồn kho	215,766	293,859	+ 36,2%

- Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2019 là 630,9 tỷ đồng, tăng 1,3% so với đầu năm;
- Phải thu ngắn hạn khác đến 31/12/2019 là: 63,625 tỷ đồng, tăng 24,9 % so với đầu năm; trong đó: phải thu khác 27,697 tỷ đồng, nợ tạm ứng 35,828 tỷ đồng. Công ty chưa thực hiện tốt công tác hoàn ứng và thu hồi công nợ cá nhân theo quy định và theo kiến nghị của Ban Kiểm soát; đặc biệt là công nợ tồn đọng lâu ngày, công nợ của cá nhân đã nghỉ việc hoặc chuyển công tác;
- Tỷ lệ đối chiếu, xác nhận công nợ cuối kỳ còn thấp; chưa rà soát và trích lập dự phòng đầy đủ công nợ phải thu khó đòi;
- Hàng tồn kho đến 31/12/2019 là: 293,859 tỷ đồng, trong đó giá trị nguyên vật liệu là 24,022 tỷ đồng, chi phí SXKD dở dang là 269,206 tỷ đồng;
- Công nợ phải thu và hàng tồn kho rất lớn: 1.105,4 tỷ, chiếm đến 53,6% tổng giá trị tài sản, cho thấy công tác nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành chưa tốt, gây ứ đọng vốn lớn ngay từ giai đoạn thi công và còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro giá trị thu hồi thấp hơn giá trị ghi sổ kế toán. Nguyên nhân là do nhiều công trình thi công đã lâu nhưng chưa hoàn thành quyết toán như các công trình thủy điện: Xê Ka Man 1 và Xê Ka Man 3, Hủa Na, Đồng Nai 5, Sơn La, Lai Châu, Tân Thượng. Một số công trình có mức dư nợ lớn là TĐ Tân Thượng: 100,9 tỷ đồng, TĐ Xe Ka Man 1: 176,1 tỷ đồng, Xe Ka Man 3: 79,9 tỷ đồng, CTTĐ Nam Thuen: 106,9 tỷ đồng, Sơn La: 54,7 tỷ đồng, Lai Châu: 43,6 tỷ đồng, Đồng Nai 5: 37,4 tỷ đồng, Xê Nậm Noy: 21,7 tỷ đồng ,.... Trong năm 2019, Công ty phải dừng thi công công trình thủy điện Tân Thượng và Nậm Theun 1. Công nợ tại công trình thủy điện Tân Thượng chưa

được CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai xác nhận và bị đóng băng thanh toán trong suốt 6 tháng cuối năm.

## **2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:**

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư khiếu kiện hay yêu cầu nào liên quan đến hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành, cụ thể như sau:

- HĐQT tổ chức 04 cuộc họp định kỳ vào đầu các quý theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông một cách linh hoạt. HĐQT đã ban hành các quyết định, nghị quyết và văn bản, chỉ thị quản lý mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn và tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo, giám sát việc điều hành SXKD của Công ty phù hợp với tình hình thực tế. Các nghị quyết của HĐQT được ban hành trong phạm vi chức năng, quyền hạn và được sự nhất trí cao của các thành viên trong Hội đồng;
- Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực và cố gắng trong việc triển khai hoạt động SXKD và tìm kiếm việc làm tuy nhiên hiệu quả SXKD còn rất thấp; hoạt động xây lắp liên tục bị thua lỗ. Toàn bộ các công trình Công ty làm chủ đầu tư và tham gia thi công đều không hoàn thành kế hoạch và chậm tiến độ. Theo đánh giá, nguyên nhân chủ yếu là công tác chuẩn bị thi công không đạt yêu cầu: không đáp ứng đủ nguồn lực (nhân lực, xe máy thiết bị, vật tư, tiền vốn), năng lực thi công yếu, công tác quản lý chi phí, giá thành chưa đảm bảo yêu cầu;
- Công ty đã thực hiện giảm bớt đầu mối tổ chức bằng hình thức sáp nhập chi nhánh Sông Đà 910 vào Chi nhánh Sông Đà 901; thực hiện sắp xếp các ban nghiệp vụ, tổ đội sau sáp nhập hoạt động theo mô hình mới. Tuy nhiên việc tái cơ cấu tổ chức này chưa thực sự mang lại một trạng thái hoạt động tốt hơn; chưa giải quyết được tình trạng mất cân đối giữa lực lượng gián tiếp, phục vụ và lao động trực tiếp (tỷ lệ này cuối năm 2019 là 33% và đầu tháng 02/2020 là 31%);
- Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế tại một số đơn vị chưa đúng thẩm quyền; chưa thực hiện tốt công tác quản lý, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng, nhận diện các rủi ro về tiến độ, thanh toán, ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư và nhà thầu phụ thi công ... để có biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp;
- Công ty quản lý và hạch toán kế toán cơ bản thực hiện theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của

Nhà nước. Tuy nhiên, còn một số vấn đề tồn tại mà Ban Kiểm soát đã kiến nghị, Công ty cần phải khắc phục ngay để công tác kế toán phát huy đầy đủ chức năng phản ánh, kiểm tra, cung cấp thông tin toàn bộ các hoạt động kinh tế của đơn vị; đảm bảo được yêu cầu về tính chính xác, kịp thời, đầy đủ trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính;

- Kế hoạch tài chính, kế hoạch SXKD được lập đầy đủ nhưng chưa sát với tình hình thực tế;
- Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018 cho các cổ đông và chậm chi trả lương cho CBCNV;
- Hiện tại, Công ty kiểm soát được nợ quá hạn, nhưng cần quản lý và sử dụng vốn lưu động hợp lý và hiệu quả hơn để cải thiện khả năng thanh toán cũng như đảm bảo dòng tiền cho SXKD;
- Việc giải quyết thủ tục đầu tư chưa tốt gây vướng mắc và chậm tiến độ phát điện dự án thủy điện Pake. Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công được phê duyệt từ năm 2017 nhưng đến năm 2019 mới hoàn thành;
- Công tác phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát và HĐQT: Nhiều cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát đều được mời tham dự và tham gia ý kiến, đóng góp xây dựng công tác tổ chức quản lý, điều hành SXKD và chiến lược, kế hoạch phát triển Công ty;
- Việc cung cấp báo cáo, thông tin, tài liệu của các đơn vị, phòng ban trong Công ty chưa đầy đủ và không kịp thời làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Kiểm soát viên.

#### **IV. Kết luận và kiến nghị**

Ban Kiểm soát nhất trí với kế hoạch và các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty trong năm 2020. Để nâng cao hiệu quả SXKD, Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Cần chú trọng nâng cao năng lực tổ chức quản lý thi công và năng lực quản trị Công ty; chấn chỉnh lại công tác quản lý điều hành, tăng cường hoạt động thống kê, nâng cao chất lượng công tác hạch toán kế toán; quyết toán sử dụng vật tư, nguyên liệu chính, phân tích đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện tình hình hoạt động SXKD và thực hiện đồng bộ các biện pháp giảm giá thành sản xuất, tiết kiệm chi phí để trước mắt đảm bảo hoạt động xây lắp không tiếp tục bị thua lỗ;
- Từ những khó khăn, áp lực đang phải đối diện, rất cần phải tái cấu trúc toàn bộ Công ty, trong đó điều chỉnh cơ cấu ngành nghề kinh doanh hợp lý; điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, chuyên nghiệp, trách nhiệm, chủ động và hiệu lực để nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó cần đặc biệt quan tâm đến công tác đánh giá chất lượng cán bộ từ nhân viên đến quản lý; gắn với chế độ

- lương, thưởng. Thiết lập lại các chính sách quản trị: hành chính nhân sự, kỹ thuật sản xuất thi công, cung ứng nguyên liệu vật tư phụ tùng, kế toán tài chính, doanh thu chi phí giá thành và các chính sách quản trị khác để cải thiện hiệu quả hoạt động của Công ty;
- Công tác thực hiện đầu tư: rà soát thủ tục đầu tư, kiểm điểm, đánh giá năng lực quản lý, thực hiện và hiệu quả của dự án đầu tư khi hoàn thành đầu tư không đáp ứng được tiến độ đã đề ra (bao gồm thủy điện PaKe và dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công -trong đó có DA đầu tư 10 xe ô tô tải ben Man từ năm 2017);
  - Giá trị công nợ phải thu và hàng tồn kho rất lớn gây khó khăn về vốn và tiềm ẩn nhiều rủi ro về tài chính cho Công ty. Do vậy, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc chỉ đạo rà soát và có biện pháp tích cực thu hồi dứt điểm công nợ phải thu khách hàng theo đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết, phân tích rõ công nợ tạm ứng, nợ cá nhân và quyết liệt thu hồi triệt để công nợ tạm ứng, nợ cá nhân mà Ban Kiểm soát đã có kiến nghị, đảm bảo đáp ứng tài chính cho hoạt động SXKD và đầu tư;
  - Bằng mọi biện pháp giảm nợ vay ngân hàng, nợ quá hạn và giảm chi phí tài chính, cơ cấu các khoản nợ đảm bảo khả năng thanh toán khoản vay khi đến hạn. Thận trọng trong việc huy động vốn cá nhân;
  - Tổ chức tốt công tác, quản lý, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng; rà soát đánh giá lại năng lực các bên liên quan đối với tất cả các hợp đồng thi công các công trình, với Chủ đầu tư và với các nhà thầu đảm bảo thực hiện đúng các quy định về Luật đấu thầu, Luật Xây dựng và các Nghị định, thông tư hướng dẫn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ hiện hành về hợp đồng xây dựng nói chung và hợp đồng với nhà thầu phụ nói riêng. Theo dõi sát sao tình hình thực hiện hợp đồng: về tiến độ, thanh toán,... để có biện pháp ngăn ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh;
  - Quyết toán và chi trả tiền lương cho CB quản lý, người lao động gắn với năng suất, hiệu quả theo quy định;
  - Xây dựng lộ trình và thực hiện chi trả cổ tức năm 2017, 2018 cho Cổ đông;
  - Phát huy vai trò của Kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số Quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của Pháp luật và sự phát triển của Công ty;
  - Kịp thời khắc phục các vấn đề tồn tại theo yêu cầu của các cơ quan Thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán và Ban Kiểm soát Công ty;
  - Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020: thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

## V. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

- Kiểm soát việc ban hành, tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT nhằm đảm bảo tính thực thi và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tham gia các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Duy trì và tăng cường sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong công ty;
- Thực hiện kiểm tra tình hình SXKD, công tác tài chính kế toán trực tiếp tại đơn vị khi thấy cần thiết;
- Thực hiện các công việc khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trên đây là báo cáo về kết quả kiểm soát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

### Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2020;
- HĐQT Cty;
- Kiểm soát viên CTy;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



Vũ Thị Minh Nguyệt



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**SÔNG ĐÀ 9**

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

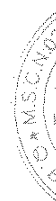
Signature Not Verified

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9  
Ký ngày: 25/3/2020 11:10:14

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 41

\*\*\*\*\*



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Sông Đà 9 - trực thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 2195/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0103010465, đăng ký thay đổi lần thứ 09 là ngày 08 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 37683746

### **Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:**

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng;
- Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy, các loại máy xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng, dầu, mỡ, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hoàng Cường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Gia Hân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Thế Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Đình Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Công Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### *Ban kiểm soát*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016

### *Ban Tổng Giám đốc*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Thế Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Hải Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 10 năm 2018
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2019

### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thế Quang - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2016).

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.


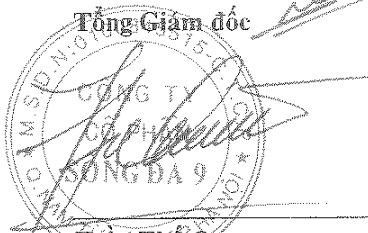
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**   
  
**Trần Thế Quang**  
Ngày 18 tháng 3 năm 2020

123456789

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lô STH/0A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0170/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

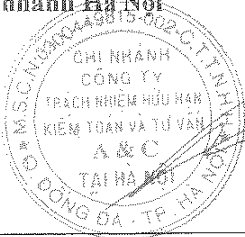
S-C  
T  
H  
C  
T

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2020



**Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3707-2016-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.089.554.355.415</b>	<b>1.075.253.005.987</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17.062.668.006</b>	<b>126.328.819.348</b>
1. Tiền	111		17.062.668.006	126.328.819.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>744.923.140.822</b>	<b>710.675.386.605</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	564.159.673.933	554.449.188.647
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	143.089.403.306	131.165.636.774
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.189.141.728	2.189.141.728
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	63.625.178.722	50.931.103.973
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(28.140.256.867)	(28.059.684.517)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>293.859.541.559</b>	<b>215.766.268.510</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	293.859.541.559	215.766.268.510
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.709.005.028</b>	<b>22.482.531.524</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.241.189.113	622.189.155
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.622.874.754	21.820.569.590
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	844.941.161	39.772.779
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>200</b>		<b>973.348.033.796</b>	<b>749.794.972.525</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>210</b>		<b>66.744.893.861</b>	<b>68.227.075.017</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211	V.3b	66.744.893.861	68.227.075.017
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>220</b>		<b>224.835.874.442</b>	<b>240.575.725.928</b>
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	220.223.374.442	235.963.225.928
<i>Nguyên giá</i>		222		933.950.349.847	937.330.537.124
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(713.726.975.405)	(701.367.311.196)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.11	4.612.500.000	4.612.500.000
<i>Nguyên giá</i>		228		4.692.500.000	4.692.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(80.000.000)	(80.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>		231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>240</b>	V.12	<b>582.034.236.945</b>	<b>342.707.695.657</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242		582.034.236.945	342.707.695.657
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>250</b>	V.2	<b>92.828.674.936</b>	<b>91.558.128.594</b>
1. Đầu tư vào công ty con		251		85.347.816.852	85.347.816.852
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		31.412.940.000	31.412.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		(23.932.081.916)	(25.202.628.258)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>260</b>		<b>6.904.353.612</b>	<b>6.726.347.329</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.9b	5.190.079.636	5.169.965.497
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262	V.13	1.714.273.976	1.556.381.832
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>2.062.902.389.211</b>	<b>1.825.047.978.512</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.464.191.393.105</b>	<b>1.196.764.667.938</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.078.988.894.107</b>	<b>967.861.283.269</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	224.015.488.016	138.669.449.362
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	239.438.190.465	260.511.530.312
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.463.453.779	3.775.001.067
4. Phải trả người lao động	314		36.206.696.280	22.077.947.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	35.066.690.308	11.319.348.021
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	83.555.946.936	38.783.586.407
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	452.922.267.667	488.499.548.610
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	5.320.160.656	4.224.872.109
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>385.202.498.998</b>	<b>228.903.384.669</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	602.691.813	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	319.977.925
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	384.599.807.185	222.712.761.689
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	-	5.870.645.055
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

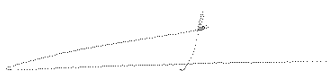
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>598.710.996.106</b>	<b>628.283.310.574</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>598.710.996.106</b>	<b>628.283.310.574</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		342.340.000.000	342.340.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	216.878.452.894
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.004.608.522	47.664.148.101
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.911.434.443	47.664.148.101
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.093.174.079	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.062.902.389.211</b>	<b>1.825.047.978.512</b>

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020


Người lập biểu

Kế toán trưởng

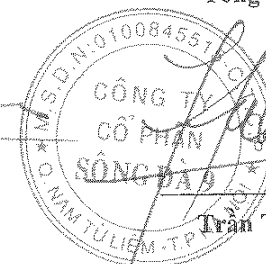
Tổng Giám đốc



Phùng Thị Minh Nghĩa



Quách Mạnh Hải


  
Trần Thế Quang



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

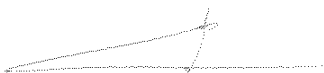
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	464.722.908.662	379.546.624.086
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		464.722.908.662	379.546.624.086
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	400.279.823.239	303.973.445.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.443.085.423	75.573.178.514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.180.487.479	20.003.243.497
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	41.433.551.674	41.721.493.201
Trong đó: chi phí lãi vay	23		42.212.149.816	43.357.420.064
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	43.365.384.755	44.042.710.415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.824.636.473	9.812.218.395
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.737.447.828	18.913.133.754
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.626.802.366	3.366.243.787
13. Lợi nhuận khác	40		4.110.645.462	15.546.889.967
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.935.281.935	25.359.108.362
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	1.785.233.340
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(157.892.144)	(174.010.450)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.093.174.079</u>	<u>23.747.885.472</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

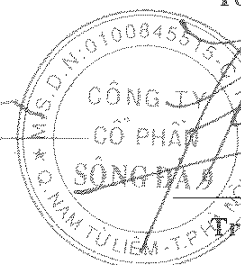
Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




  
Trần Thế Quang

Phùng Thị Minh Nghĩa

Quách Mạnh Hải

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2020

**TỜ TRÌNH  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

*V/v Phân phối lợi nhuận chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2019  
Quyết toán lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký năm 2019; Kế hoạch  
chi trả lương, thù lao năm 2020*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 26/4/2018;
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo và trình trước Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sau:

**1. Phương án phân phối lợi nhuận chia cổ tức năm 2019:**

TT	Nội dung	Số tiền ( đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	6.935.281.935
2	Thuế thu nhập hoãn lại	157.892.144
3	Lợi nhuận sau thuế (3=1+2)	7.093.174.079
4	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	7.911.434.443
5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% LN phân phối)	1.063.976.112
6	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	53.550.000
7	Lợi nhuận chia cổ tức 4% (193,1% LN phân phối)	13.693.600.000
8	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	4%
9	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	193.482.410

**2. Thực hiện chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Thụ ký năm 2019 :**

2.1. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua: Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch; do đó mức lương, thù lao năm 2019 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019	Lương, thù lao /tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019 được hưởng 70% KH	Tổng lương, thù lao năm 2019 ( đồng)
<b>I</b>	<b>Lương của cán bộ chuyên trách</b>					
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	39,000,000	27,300,000	327,600,000
2	T.ban Kiểm soát	1	12	20,000,000	14,000,000	168,000,000
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>					
1	Thành viên HĐQT	2	12	4,500,000	3,150,000	75,600,000
2	Thành viên HĐQT	1	1	4,500,000	3,150,000	3,150,000
3	Thành viên HĐQT	2	8	4,500,000	3,150,000	50,400,000
4	Thành viên HĐQT	1	4	4,500,000	3,150,000	12,600,000
5	Thành viên BKS	2	12	3,000,000	2,100,000	50,400,000
6	Thụ ký	1	12	3,000,000	2,100,000	25,200,000
	<b>Tổng cộng</b>					<b>712,950,000</b>

**3. Báo cáo quyết toán lương của cán bộ điều hành Công ty:**

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Lương KH được HĐQT phê duyệt	Lương được hưởng 70% KH	Tổng lương 2019 ( đồng)
1	Tổng giám đốc	1	12	35,000,000	24,500,000	294,000,000
2	Phó Tổng giám đốc	1	12	30,000,000	21,000,000	252,000,000
	Phó Tổng giám đốc	1	9	30,000,000	21,000,000	189,000,000
3	Phó Tổng giám đốc	1	< 10	30,000,000	21,000,000	205,227,273
4	Phó Tổng giám đốc	1	< 4	30,000,000	21,000,000	76,650,000
5	Kế toán trưởng	1	< 12	28,000,000	19,600,000	225,400,000
						<b>1,242,277,273</b>

#### 4. Phương án chi trả lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký năm 2020

T T	Chức danh	Số người	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1		45.000.000
2	TB Kiểm soát chuyên trách	1		23.000.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	4	5.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát	2	3.000.000	
5	Thư ký	1	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Hoàng Cường*



Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2020

## ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

- Kính gửi:**
- Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 9
  - Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9

Tên tôi là: Nguyễn Hoàng Cường Ngày sinh: 22/9/1972.

Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng, Thạc sỹ Kỹ thuật

Chức vụ Đảng, đoàn thể: Ủy viên BCH Đảng bộ Tổng công ty Sông Đà – CTCP, Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Chức vụ chuyên môn: Tổ trưởng người đại diện vốn Tổng công ty Sông Đà – CTCP tại Công ty cổ phần Sông Đà 9, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Trải qua 23 năm công tác kể từ khi tốt nghiệp trường Đại học Xây dựng, tôi được nhận về làm việc tại Tổng công ty Sông Đà; tôi được tiếp nhận làm việc tại một số đơn vị thuộc Tổng công ty và Công ty cổ phần Sông Đà 9. Tôi cũng trải qua nhiều cương vị khác nhau và đến tháng 4/2016 tôi được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9 bầu vào Hội đồng quản trị Công ty và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 nhiệm kỳ ( 2016 -2021).

Đến nay, vì lý do sức khỏe và theo chỉ định của bác sĩ tôi cần được nghỉ ngơi để chữa bệnh lâu dài. Do vậy bằng văn bản này tôi xin thôi là thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 và thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 và xin nghỉ làm việc kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 thông qua.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 chấp thuận đơn từ nhiệm của tôi. Tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã tin tưởng, giúp đỡ và đồng hành cùng tôi trong suốt thời gian vừa qua.

Trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

Nguyễn Hoàng Cường

( dự thảo) **NGHỊ QUYẾT**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/NĐ-CP.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty bổ sung, sửa đổi thông qua ngày 26/4/2018;
- Căn cứ Biên bản số 01/2020/BB/ĐHĐCĐ ngày 30/05/2020 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2020,

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2020 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

**1. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của công ty kiểm toán độc lập; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.**

**1.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)
1	Tổng giá trị SXKD	10 <sup>3</sup> đ	800.000.000	677.060.056	85
2	Doanh thu	10 <sup>3</sup> đ	750.000.000	559.751.521	75
3	Lợi nhuận	10 <sup>3</sup> đ	35.213.000	6.935.282	20
4	Tỷ lệ cổ tức	%	10	4	40

## 1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 710.000 tỷ đồng;
- Doanh thu : 663.118 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 32.900 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 30.604 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 45.823 tỷ đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 8 %/năm;

**2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019; kế hoạch chương trình công tác của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020.** Phụ lục số 01 kèm theo

**3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2019; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020.** Phụ lục số 02 kèm theo

## 4. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019.

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	6.935.281.935
2	Thuế thu nhập hoãn lại	157.892.144
3	Lợi nhuận sau thuế (3=1+2)	7.093.174.079
4	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	7.911.434.443
5	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% LN phân phối)	1.063.976.112
6	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	53.550.000
7	Lợi nhuận chia cổ tức 4% (193,1% LN phân phối)	13.693.600.000
8	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	4%
9	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	193.482.410

**5. Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Thư ký năm 2019; phương án trả lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Thư ký năm 2020.**

5.1 Tổng mức chi trả tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2018 : 712.950.000 đồng tương đương 70% KH , mức chi trả thực hiện nghiêm túc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã thông qua.

5.2 Kế hoạch chi trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020:



TT	Chức danh	Mức thù lao/tháng (đồng)	Mức lương/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		45.000.000
2	TB Kiểm soát chuyên trách		23.000.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	5.000.000	
4	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000	
5	Thư ký công ty	3.000.000	

- Lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương, thù lao thực hiện được xác định bằng mức tiền lương, thù lao kế hoạch như trên.

- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương, thù lao tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20%.

- Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch, mức tiền lương, thù lao giảm trừ bằng 1% so với mức tiền lương, thù lao kế hoạch. Mức lương, thù lao thấp nhất không thấp hơn 70% lương, thù lao kế hoạch

#### **6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:**

Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

#### **7. Thông qua miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị:**

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đối với ông Nguyễn Hoàng Cường, trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.

Lý do miễn nhiệm: Cá nhân có đơn xin từ nhiệm vì lý do sức khỏe.

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên độc lập Hội đồng quản trị công ty đối với ông Vũ Đình Minh, trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.

Lý do miễn nhiệm: Do cổ đông lớn Tổng công ty Sông Đà – CTCP thay đổi người đại diện vốn.

#### **8. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị công ty:**

- Ông ....., sinh năm ....., trình độ chuyên môn: ....., trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021.

- Ông ..... sinh năm ....., trình độ chuyên môn: ..... trúng cử Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021.



**Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

**Điều 3.** Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2019, các cổ đông của công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 9 theo nghĩa vụ và quyền hạn căn cứ quyết nghị thực hiện.

**Nơi nhận:**

- UBCK NN;
- Các cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- TGD, PTGD Cty;
- Các phòng ban Cty;
- Lưu HĐQT, TCNS.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

*Trần Thế Quang*